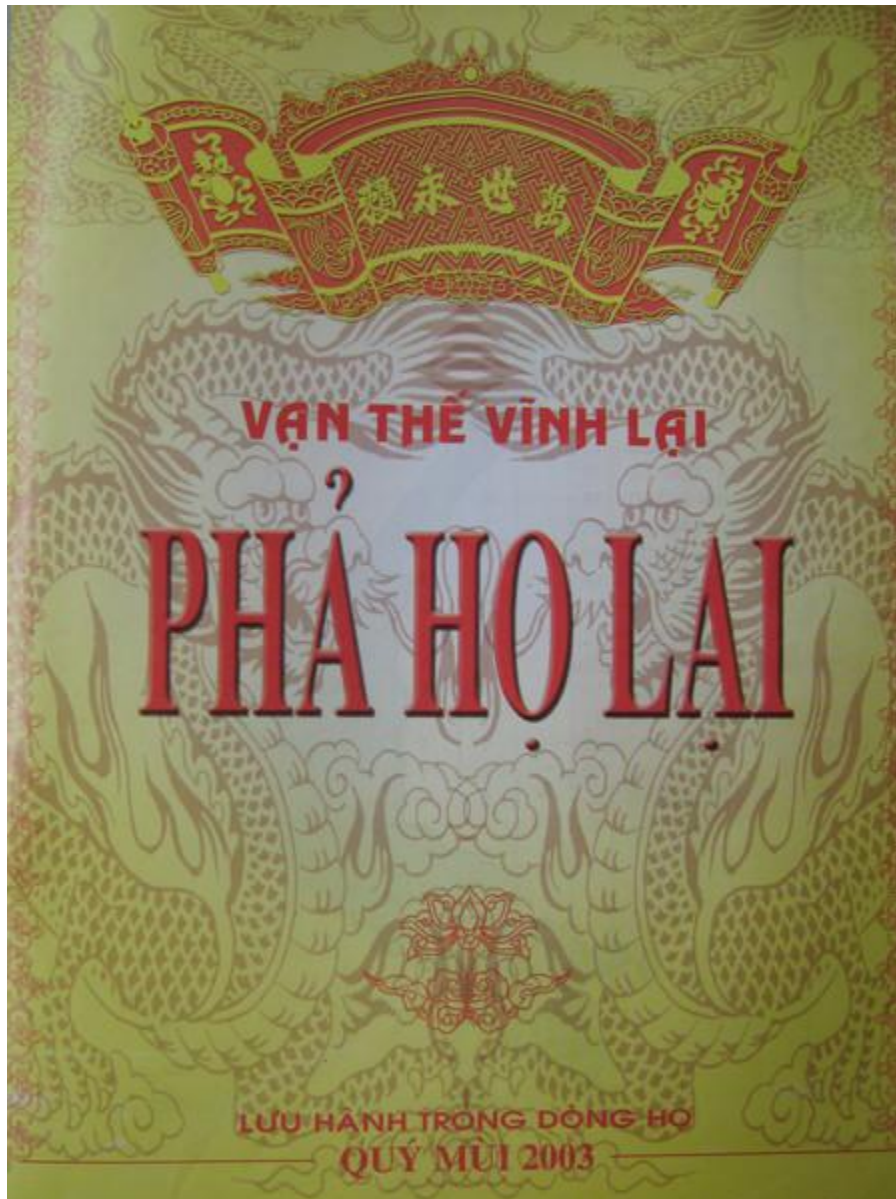


# HỌ LẠI VIỆT NAM



## Phả họ Lại - Lời tựa cho lần tái bản 2003

Cuốn Phả Họ lại 1990 này( ) được viết theo tinh thần cuộc họp lớn của họ Lại toàn quốc tổ chức ở Phù Vân Kim Bảng Hà Nam tháng 8 năm Quý Mão 1963, gồm 60 đại biểu của 23 chi trên 6 tỉnh Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hà Đông, Hà Nội. Cuộc họp đó quyết định tổng hợp phả các chi thành một bộ phả chung lấy tên là Phả Họ Lại, ủy nhiệm một số người trong họ sưu tầm thêm tư liệu về công tích của các thế hệ cha ông trước kia, nghiên cứu, tổng hợp, biên soạn, chuẩn bị thủ tục để in ra nhiều bản giúp các chi tiện kê cứu sau này. Lúc đó, cuộc Chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta đã bước vào giai đoạn gay go quyết liệt, vì thế công việc đề ra chưa làm được bao nhiêu.

Sau khi cuộc Chống Mĩ cứu nước thắng lợi, nước nhà được thống nhất hoàn toàn, tháng 7 năm 1980, đại biểu các chi họp ở Họp Long Nga Sơn Thanh Hóa, bàn thảo việc xúc tiến biên soạn Phả Họ Lại với yêu cầu cao hơn; cụ Lại Nguyên Huệ chi Phù Vân Kim Bảng Hà Nam chịu trách nhiệm chấp bút, thực chất là chủ biên. Cụ Lại Nguyên Huệ đã liên hệ với các chi, sưu tầm phả kí, hệ thống hóa thế thứ, đặc biệt là đối với các chi họ ở miền Nam mới được giải phóng như Huế, Đà Nẵng... và các chi họ xưa nay chưa từng biết đến như một số chi ở Phú Thọ, Hà Tây, Hà Nội... Đặc biệt có những chi vì lí do này khác phải thay họ, nay đã đổi về, như chi Bằng Lục Yên Phong Bắc Ninh; chi Ngải Cầu Hoài Đức Hà Tây. Và đã tìm thấy những cuốn phả có giá trị như cuốn phả họ Lại xưa nhất đời Cảnh Hưng ở Đà Nẵng và cuốn phả họ Nguyễn vốn là họ Lại ở Yên Phong Bắc Ninh...

Ban tu phả đã nhiều lần họp ở nhà cụ Lại Phú Be chi Nghĩa Đô Hà Nội, bàn bạc nội dung cuốn phả và lo kinh phí cho việc xuất bản. Chi Nghĩa Đô và Toà soạn Báo Nhân dân là những địa điểm liên lạc thường xuyên của Ban Tu phả. Các chi ngành B Hải Hậu là nơi đóng góp nhiều công sức cho việc biên soạn cuốn phả này, đặc biệt là các cụ Lại Thế Kha, Lại Thế Uyển, Lại Thế Khánh và một số cụ khác. Cụ Lại Nguyên Huệ đã chấp bút và tự tay đánh máy bản thảo nhiều lần đưa ra Ban tu phả bàn bạc và xin ý kiến các vị cao niên, thân sĩ, văn nghệ sĩ, trí thức trong họ, như ông Lại Văn Ly, đại biểu Quốc hội khóa VII, phó Chủ tịch tỉnh Bình - Trị - Thiên; ông Lại Xuân Thát, trưởng ti Công an Nam Định; ông Lại Đức Lịch, cán bộ giảng dạy Trường Đảng Cao cấp Nguyễn ái Quốc; ông Lại Văn Đắc, phó giám đốc Nhà hát Kịch nói Bộ Văn hóa; ông Lại Đình Thanh chuyên viên Bộ Nội thương, ông Lại Cao Nguyên giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và nhiều vị khác. Với những ý kiến đóng góp rộng rãi của bà con trong họ, bản thảo được sửa đi sửa lại nhiều lần. Ông Lại Cao Nguyên, giảng viên cao cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, đọc lại lần cuối và chịu trách nhiệm hiệu chính.

Trong thời gian biên soạn, Tòa soạn Báo Nhân dân đã tạo điều kiện giúp đỡ Ban Biên tập rất nhiều, họa sĩ Hà Trì đã phải hàng năm trời giúp việc kê tay các bản thế thứ của các chi họ gửi đến. Báo Nhân dân nhượng lại giấy in. Xưởng in Quân chủng Phòng không giúp việc in ấn. Những sự đóng góp và giúp đỡ vô tư ấy khiến bà con dòng họ rất lấy làm cảm kích và tri ân.

Trải qua mấy chục năm gian khổ phấn đấu của Ban tu phả và đông đảo bà con trong họ, cuối năm 1984 bộ Phả Họ Lại đã cơ bản hoàn thành. Trong điều kiện đất nước vừa được giải phóng, có những vấn đề nhạy cảm phải tạm thời gác lại. Vì thiếu tư liệu, có những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu thêm... Cuốn phả vừa mới tạm xong, chuẩn bị xin phép in thì người chủ biên - cụ Lại Nguyên Huệ mắc bệnh hiểm nghèo đột ngột từ giã chúng ta (1986). Nguyện vọng của cụ khi ra đi là sẽ đón phả tại chi trưởng ngành A ở Thượng Hữu xã Nam Vân Nam Trực Nam Định. Trước lúc lâm chung, cụ đã bàn giao hồ sơ, giấy tờ cho cụ Lại Phú Bàn chuyển lại cho Ban Tu phả ủy nhiệm cụ Lại Phú Bàn theo dõi việc hoàn thành kê xong các bản thế thứ do họa sĩ Hà Trì đảm nhiệm giúp tiếp rồi cùng cụ Lại Thế Kha, ông Lại Thế Khánh và ông Lại Hồng Khắc lo việc in ấn.

Kết quả năm 1990, cuốn Phả Họ lại mà nhiều thế hệ họ Lại mơ ước từ bao đời nay, đã ra đời (dù chỉ mới là dạng in lưới chứ chưa phải in typo). Việc hoàn thành cuốn Phả Họ lại là một kì công của họ Lại, là một mốc son quan trọng trong quá trình tập hợp và đoàn kết mấy trăm chi họ trong phạm vi của cả nước.

Phả Họ Lại khẳng định và chứng minh tính thống nhất về nguồn gốc của họ Lại ở Việt Nam ứng với lời lưu truyền “Nam bang nhất Lại“, bắt đầu từ Viễn tổ Lại Tiên thời kì đầu Công lịch, đến các con cháu xa đời của Người sau này mà tuyệt đại đa số đều bắt nguồn từ miền Đất Tổ Quang Lãng xã Hà Dương huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

Phả Họ Lại đã xác định thế thứ của các vị thế tổ đến đời thứ 9 tính từ đức Thủy tổ Lại Thế Tiên, thân sinh đức Triệu tổ Lại Thế Tương có mộ thiên táng ở thôn Đông Quang Lãng Thanh Hoá. Tuyệt đại đa số các chi họ Lại ở Việt Nam chấp nối được cho đến nay, có thể tìm ra mối quan hệ với các vị Thế tổ đời thứ 9, thứ 10 ngành A và ngành B. Nhiều con cháu họ Lại tan tác sau việc Đạp Nghĩa công Trịnh Cối và Phúc Quận công Lại Thế Mĩ chạy sang phía Mạc, đến nay vẫn chưa chấp nối lại được hết.

Phả họ Lại 1990 đã tập hợp được hơn 200 chi họ thuộc 25 tỉnh thành trong cả nước, trong đó còn nhiều chi chưa được nối gốc về nguồn, còn chờ nghiên cứu chấp nối sau. Nhưng nói chung, mỗi người họ Lại ở Việt Nam đều có thể tìm thấy vị trí của mình: nếu không phải con cháu các vị Thế tổ đời thứ 9, thứ 10 của họ Lại gốc Quang Lãng thì cũng là cháu xa đời khác của Viễn tổ Lại Tiên – hậu duệ của các nhân vật lịch sử như Lại Linh, Lại Ich Quy, Lại Duy Chí, Lại Kim Bảng, Lại Mẫn... - trừ một số rất ít mới xuất hiện sau này (2).

Việc in phả họ lại đã gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thôn của thời bao cấp, nên về hình thức và cách trình bày còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với nội dung phong phú và giá trị lịch sử của bản thân cuốn phả với quy mô toàn quốc này. Những bất cập của cuốn phả chỉ có thể được khắc phục trong lần tái bản. Hơn nữa nhiều chi họ và cá nhân trong họ đều hân hoan chào đón và yêu cầu có được cuốn phả quý trong nhà. Cuốn phả họ lại này được tái bản theo Nghị quyết HĐGT họp ngày 22/5/2001 tại từ đường Quang Lãng mong đáp ứng phần nào nguyện vọng của bà con trong họ. Những sai sót trong lần tái bản này chắc chắn không thể tránh khỏi, mong các vị cao niên và bà con trong họ đóng góp ý kiến bổ sung sửa chữa để cuốn PHẢ HO LAI ngày càng hoàn chỉnh hơn.

-----Xuân Quý Mùi 2003---

# LỜI NÓI ĐẦU - PHẢ HỌ LẠI (1984)

Sử là biểu hiện trình độ văn minh của một dân tộc đã phát triển tới mức có chữ viết mà ta quen gọi là văn tự.

Sử của một nước ghi chép những cuộc hưng suy tồn vong giúp thế hệ sau nắm được nguồn gốc của giống nòi, biết được cái vinh của cuộc đời, thấy được cái nhục khi nước bị ngoại xâm, để càng gắng công xây đắp nước nhà thêm phần vinh vững mạnh.

Phả của một nhà, một họ là một cuốn sử trong phạm vi một họ, một nhà, giúp con cháu nắm được cội nguồn của nhà mình, họ mình, biết được những hoạt động của tổ tiên mình đã đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc trong công cuộc xây dựng và giữ gìn đất nước.

Sử và phả quan hệ mật thiết với nhau, vì vậy Phương Đông cũng như Phương Tây đều có sử và phả. Riêng phả rất được coi trọng ở Phương Đông. Đó là nhu cầu tinh thần của con người, là những tư liệu không thể thiếu trong công tác nghiên cứu sử học.

Nước Việt Nam ta vốn là một nước văn hiến, trải qua hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, từ thời đại các Vua Hùng mở nước, qua thời Bà Trưng, Bà Triệu và các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, Nguyễn, không ngừng chống giặc ngoại xâm, đến thời đại Hồ Chí Minh lừng lẫy chiến công, biết bao nhiêu thế hệ người Việt Nam đã đem mồ hôi và xương máu của mình viết nên những trang sử oai hùng của dân tộc. Trong những công tích đó, có phần đóng góp nhất định của các thế hệ họ Lại chúng ta. Sự nghiệp của tổ tiên họ ta khá lớn, nhưng những ghi chép còn lại thì quá ít ỏi, nhất là ghi chép về những người lao động bình thường. Do đó việc viết phả gặp rất nhiều khó khăn.

Tháng 6 năm Cảnh Hưng thứ nhất (Canh Thân 1740), lần đầu tiên họ Lại ta ở xã Quang Lăng huyện Tổng Sơn tỉnh Thanh Hóa ghi chép họ hàng lập ra cuốn Tổng Sơn Quang Lăng Lại gia phả kí. Phả chép ra, mỗi ngành giữ một bản, hiện nay vẫn còn một số. Đây là bản phả cũ viết bằng chữ nho sớm nhất còn giữ được. Chúng ta đã tìm thấy ở Quang Lăng, Đà Nẵng. Huế mỗi nơi một bản. Nội dung bản phả này cũng đã được dùng làm cơ sở để bổ sung viết tiếp cho những cuốn phả của họ về sau.

Năm Gia Long thứ nhất (Nhâm Tuất 1802), ba anh em cụ Lại Phước Ngô, Lại Phước Đạt, Lại Phước Lai (sau trở thành thủy tổ của ba chi An Nông, Hà Châu, Dưỡng Mông ở Huế) đã họp nhau viết Lại tộc Thuận Hóa di chúc bản ghi nhận nguồn gốc các chi này là từ Thanh Hóa theo chúa Nguyễn Hoàng vào Nam khai cương lập ấp, kèm theo bản chép cuốn phả họ Lại đời Cảnh Hưng do cụ Lại Văn Tiếp sao năm Thành Thái thứ 14 (1902) để dặn dò con cháu không quên nguồn gốc và ghi tiếp các chi của dòng họ. Tất cả đều viết bằng chữ Nho.

Năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý 1852) họ ta tu phả lần thứ 2 do cụ Lại Thế Nguyên (chi Phụ Thành Thái Bình) tổ chức bản việc chép lại phả, tham gia bản thảo gồm có các chi họ sau đây:

1. Chi Niệm Hạ ( Thái Bình) 11 người : Lại Thế Bàng, Lại Thế Đồi, Lại Thế Tầm, Lại Thế Bầy, Lại Thế Định, Lại Thế Huân, Lại Thế Tú, Lại Thế Liêm, Lại Thế Trinh, Lại Thế Hàn, Lại Thế Kinh;
2. Chi Cổ Ninh (Thái Bình) 9 người: Lại Thế Quán, Lại Thế Phụng, Lại Thế Học, Lại Thế Bộ, Lại Thế Trừ, Lại Thế Tấn, Lại Thế Núi; Lại Thế Trương, Lại Thế Xuyên;
3. Chi Phụ Thành (Thái Bình) 4 người: Lại Thế Nguyên, Lại Thế Trường, Lại Thế Hanh, Lại Thế Nghi;
4. Chi Đồng Hải (Thái Bình) 16 người: Lại Hợp Ngoan, Lại Hợp Duy, Lại Hợp Doãn, Lại Hợp Chính, Lại Hợp Toán, Lại Hợp Lãm, Lại Hợp Bá, Lại Hợp Để, Lại Hợp Bồi, Lại Hợp Quỳnh, Lại Hợp Bang, Lại Hợp Tài, Lại Hợp Đạt, Lại Thế Quán, Lại Thế Trứ, Lại Thế Quang;
5. Chi Trọng Quan (Thái Bình) 12 người: Lại Hữu Nhu, Lại Hữu Tình, Lại Hữu Trù, Lại Hữu Chúc, Lại Hữu Đức, Lại Hữu Điển, Lại Hữu Biểu, Lại Hữu Thân, Lại Hữu Chính, Lại Hữu Vinh, Lại Hữu Viễn, Lại

Hữu Thuật;

6. Chi Tường An (Thái Bình) 16 người: Lại Đình Hữu, Lại Đình Chính, Lại Đức Hạo, Lại Hữu Cung, Lại Đức Tuyển, Lại Đức Bản, Lại Đức Chân, Lại Thế Nạp, Lại Thế Quang, Lại Thế Mạch, Lại Văn Mĩ, Lại Văn Sách, Lại Văn Cư, Lại Văn Viễn, Lại Văn Sản, Lại Văn Kiệt;

7. Chi Nội Lăng (Thái Bình) 4 người: Lại Hoàng Tuyển, Lại Hoàng Đoàn, Lại Hoàng Điền, Lại Hoàng Khoan;

8. Chi Quần Anh (Nam Định) 20 người: Lại Thế Phương, Lại Thế Huyền, Lại Thế Quả, Lại Thế Tân, Lại Thế Phô, Lại Thế Huân, Lại Thế Liên, Lại Thế Ngân, Lại Thế Quỳnh, Lại Thế Can, Lại Thế Kim, Lại Thế Chú, Lại Văn Khắc, Lại Văn Thảng, Lại Văn Thanh, Lại Văn Cẩn, Lại Văn Ngoạn, Lại Xuân Quang, Lại Phong Dĩ, Lại Trung Lương;

9. Chi Mã Chiên (Ninh Bình) 9 người: Lại Thế Chúc, Lại Thế Hương, Lại Thế Nhất, Lại Thế Học, Lại Thế Thành, Lại Thế Bính, Lại Thế Tri, Lại Thế Lạc, Lại Thế Trù;

10. Chi Quang Lăng ( Thanh Hoá) 2 người: Lại Thế Uy, Lại Thế Sâm.

Đến năm Tự Đức thứ 6 (Quý Sửu 1853), phủ viết xong (bằng chữ Nho), giao về mỗi chi một bản để biết và có hướng tiếp tục sưu tầm bổ sung thêm.

Sau một thời gian, ở Quần Anh, ông Bảo Chi Lại Vĩnh Cửu (chi Nhị Quý) do triều đình mở ân khoa thi hương, ông đỗ cử nhân năm Kiến Phúc nguyên niên (Giáp Thân 1884), rồi được bổ làm quan Huấn đạo huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định. Do có điều kiện liên hệ rộng được với các chi trong họ, ông đã tu chỉnh nâng phả họ lên mức phong phú hơn. Cuốn phả này viết bằng chữ Nho hiện nay vẫn còn.

Năm ất Mùi 1895, niên hiệu Thành Thái thứ 8, chi họ ở xã Dưỡng Mông Hạ tổng Kế Mỹ huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên; năm ất Sửu 1925 niên hiệu Khải Định thứ 10, chi họ ở thôn Mĩ Lợi xã Vĩnh Mĩ huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên đều biên soạn phả của chi mình từ năm Canh Tuất 1670 niên hiệu Cảnh Trị thứ 8 đời Lê Huyền Tông trở xuống. Hai cuốn phả này cũng đã được phiên dịch ra quốc văn để lưu truyền cho con cháu.

Mùa xuân năm Thành Thái thứ 16 (Giáp Thìn 1904), hai cụ Đức Duệ Lại Năng Thụ và Sỹ Thượng Lại Nguyên Chí (chi Phù Vân Hà Nam) được giao biên soạn phả các chi ất, Bính, Đinh của ngành A. Bản này hiện nay vẫn còn.

Năm Bảo Đại thứ 13 (Mậu Dần 1938), cụ Lại Chí Tinh (Chi Quần Anh) một lần nữa chép phả của ngành B, kết hợp hệ thống hóa thế thứ và phổ hệ của các chi... Cuốn phả này viết bằng chữ Nho được sao ra nhiều bản, hiện nay cũng còn.

Trải qua mấy trăm năm, phả của họ ta mòn rách mất mát quá nhiều, lại sao đi chép lại nhiều lần nên khó tránh khỏi tình trạng “tam sao thất bản“. Và thấy Hán văn không còn phổ biến nên năm thứ 5 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Kỷ Sửu 1949), chi Phù Vân cử 3 ông Lại Sĩ Đãi, Lại Khắc Tường và Lại Nguyên Huệ phiên dịch bản phả chi Phù Vân ra quốc văn, in ty-pô 30 bản lưu hành trong chi. Thời gian từ Canh Dần 1950 đến Giáp Ngọ 1954, giặc Pháp tạm chiếm địa phương cướp phá thiêu đốt hàng trăm nóc nhà, số phả này bị cháy gần hết.

Năm Mậu Tuất 1958, sau Cải cách ruộng đất, các chi lại bàn tiếp việc chép phả họ. Ban sưu tầm tài liệu gồm các ông: Lại Thế Đồn (chi Đông Thôn), Lại Thế Nương, Lại Thế Giảng, Lại Thế Thái, Lại Thế Tuân, Lại Thế Tấn, Lại Bảo Phưởng, Lại Vĩnh Miên, Lại Thế Các (chi Quần Anh), Lại Thế Khải, Lại Thế Năng, Lại thế Trọng (chi Cổ Ninh), Lại Sĩ Đãi, Lại Khắc Tường và Lại Nguyên Huệ (chi Phù Vân).

Năm Kỷ Hợi 1959 ông Lại Bảo Phưởng, Lại Thế Tấn (chi Quần Anh) sưu tầm phả ký, vẽ phả đồ, biên tập điển ca, viết ra nhiều bản lưu truyền trong họ.

Cũng năm Kỷ Hợi 1959, trong khi bản phả chung đang được tổng hợp thì chi Phù Vân xuất bản tiếp cuốn phả tập 2 của mình. Tuy nội dung thể hiện nhiều cố gắng tìm tòi đối chiếu với nơi phát tích, song còn hạn

chế trong phạm vi một số chi nhỏ, chưa bao quát được thành một bản phổ hệ chung cho tất cả các chi trong họ hiện rải rác ở nhiều nơi trên đất nước mà thường chi nào cũng có ghi chép phả riêng của chi mình.

Sau phiên họp ở Quang Lãng (Thanh Hóa) mùa xuân năm Canh Tý 1960, một cuộc hội phả lớn của cả họ tổ chức ở Phù Vân (Hà Nam) vào tháng 8 năm Quý Mão 1963, gồm có gần 60 đại biểu của 23 chi trên 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Hà Nội, Hà Đông và Hà Nam.

Đó là:

Thượng Hữu 1: Lại Viết Bản;

Đông Hải 1: Lại Hợp Diệp;

Lâm Khê 2: Lại Cao Tiên, Lại Cao Sùng;

Quang Lãng 2: Lại Thế Dương, Lại Thế Đản;

Hợp Long 1: Lại Thế Cảnh;

Niệm Hạ 3: Lại Thế Năng, Lại Thế Tuân, Lại Thế Trọng;

Lạc Nghiệp 3: Lại Xuân Thiều, Lại Xuân Ước, Lại Xuân Bích;

Bình Lãng 1: Lại Bảo Phương;

Thư Điền 1: Lại Văn Toàn;

Diêm Điền 1: Lại Thế Thiệm;

Đông Bình 1: Lại Văn Nghi;

Phan Xá 2: Lại Văn Sĩ, Lại Văn Khuyến;

Việt Hùng 2: Lại Đức Hiếu, Lại Đặng Thân;

Đông Nhân 4: Lại Viết Vi, Lại Thế Hùng, Lại Thế Chu, Lại Thế Hạng;

Tiên Mai 4: Lại Văn Lư, Lại Văn Sai, Lại Văn Tiệp, Lại Văn Trì;

Cổ Châu 1: Lại Văn Biện;

Vĩnh Sơn 2: Lại Văn Độ, Lại Văn Phòng;

Quyển Sơn 4: Lại Hùng Mai, Lại Tiến Đạt, Lại Văn Di, Lại Tiến Nội;

An Thống 2: Lại Văn Thứ, Lại Văn Khanh;

Phù Vân ất 6: Lại Nguyên Thứ, Lại Nguyên Huệ, Lại Thế Kế, Lại Thế Thuế, Lại Thế Dung, Lại Thế Sùng;

Phù Vân Bính 7: Lại Thế Đãi, Lại Thế Đạo, Lại Thế Cung, Lại Thế Kính, Lại Thế Tin, Lại Thế Tương, Lại Thế Đình;

Phù Vân Đinh 6: Lại Thế Sáng, Lại Khả, Lại Mễ, Lại Môn, Lại Thế Đoan, Lại Thế Tâm;

Nghĩa Đô - Hà Nội 1: Lại Phú Be;

Hội nghị này quyết định tổng hợp phả các chi thành một bộ phả chung lấy tên là Phả họ Lại, ủy nhiệm một số người trong họ sưu tầm thêm tài liệu về công tích của các thế hệ trước, tổng hợp, biên soạn, chuẩn bị thủ tục để in ra nhiều bản giúp các chi tiện kê cứu sau này.

Thấm thoát 20 năm trôi qua, kế hoạch nói trên của họ ta chưa thực hiện được bao nhiêu, vì chiến tranh liên miên, vì tư liệu thiếu thốn, công việc sưu tầm sử liệu thật không đơn giản dễ dàng. Nhưng lòng thành của các thế hệ con cháu đối với tổ tiên từ trước đến nay vẫn không hề sao lãng. Tháng 7 năm 1980, đại biểu các chi họ các tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Hà Nội họp ở chi Hợp Long Nga Sơn Thanh Hóa lại bàn xúc tiến việc tu phả với yêu cầu cao hơn. Ban Tu phả gồm các ông: Lại Thế Kha (trưởng ban), Lại Thế Cảnh (phó ban), Lại Thế Uyên (tài vụ), Lại Thế Toàn, Lại Thế Tấn, Lại Thế Kế, Lại Đình Thanh, Lại Thế Vị, Lại Thế Đoan, Lại Thế Tứ, Lại Thế Ngật, Lại Thế Giá, Lại Thế Quyển, Lại Phú Bàn, Lại Nguyên Huệ, Lại Cao Nguyên, Lại Thế Khánh, Lại Thế Tuân, Lại Thế Tuấn, Lại Đức Thành, Lại Hồng Khắc, Lại Thế Tín và Lại Thế Đĩnh. Các ông: Lại Nguyên Huệ chấp bút, Lại

Cao Nguyên hiệu chính, Lại Hồng Khắc ấn vụ .

Ban tu phả đã tìm được nhiều tư liệu có giá trị, quý nhất là đã xác minh được điểm nảy sinh của các chi họ chúng ta ở miền Trung và miền Nam. Nhưng càng đi sâu nghiên cứu, ta càng cảm thấy còn nhiều thiếu sót vì: công tích của tổ tiên trong sự nghiệp tham gia dựng nước và giữ nước qua các triều đại rất nhiều, chúng ta chưa sưu tầm được mấy; hơn nữa trong cuộc khai hoang phá thảo, mở mang xây dựng đất nước, trong số bà con lao động họ nhà, đã xuất hiện biết bao anh hùng áo vải mà sử sách phong kiến hầu như không triều đại nào ghi chép đến; mặt khác đối với những chi tán mạn ở các nơi, chúng ta vẫn chưa có điều kiện liên hệ được nhiều, đương nhiên những thành tích mà ta chưa nắm được không phải là ít, nên chưa ghi chép được đầy đủ.

Do đó, cuốn phả chung này chưa có thể gọi là hoàn chỉnh, tuy đã có sự đóng góp rất quý giá và tích cực của nhiều thế hệ họ ta. Trách nhiệm của con cháu các chi họ Lại chúng ta là phải tiếp tục tham gia nghiên cứu sự nghiệp của tổ tiên đang xây dựng những cuốn phả chung soạn tiếp trong tương lai được đầy đủ hơn. Một câu hỏi có thể được đặt ra là: việc chép phả của họ ta đã được đời đời quan tâm như vậy nhằm mục đích gì, trong khi thế giới hiện nay đang đề cao khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, nâng cao đời sống con người, ở xã hội ta thì vấn đề đời sống vật chất và tinh thần đang được đặt ra một cách cấp bách? Chính ở thời điểm này, sử và phả có vai trò rất quan trọng. Trong khi xã hội đang nảy sinh biết bao chuyện chướng tai gai mắt, người họ Lại ta càng phải xác định phương châm xử thế của mình sao cho xứng đáng là những người dân của một nước độc lập, dân chủ, tự do, là những con người “uy vũ không sợ, nghèo khổ không ngại, danh lợi không màng“, lạc quan yêu đời, cần cù lao động sáng tạo, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sử và phả nhắc ta nhớ lại tổ tiên xưa đã bao đời thiết tha đấu tranh cho nền độc lập của dân tộc, góp phần xương máu để giữ gìn hạnh phúc của nhân dân. Đọc sử và phả chúng ta biết chất lọc lấy những ưu điểm để phát huy, nhìn ra những khuyết điểm để khắc phục, nhận thức rõ lịch sử luôn luôn tiến tới, cách mạng là sáng tạo, để không ngừng trau dồi phẩm chất và bản lĩnh, tự tin mà vững bước tiến lên, ra sức phấn đấu, đem hết sức lực, tài trí của mình góp phần vào công cuộc giữ gìn và xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng tươi đẹp hơn.



SỐ LƯỢNG CÁC CHI HỌ THUỘC CÁC TỈNH, HUYỆN, XÃ

Số TT	Địa Danh	Chi Họ	Đơn vị Hành chính		Số TT	Địa Danh	Chi Họ	Đơn vị Hành chính	
			Xã phường	Quận Huyện				Xã phường	Quận Huyện
1	THANH HOÀ	48	37	15	21	HÀ TÂY	14	10	3
2	NINH BÌNH	16	10	4	22	NGHỆ AN	5	5	2
3	HÀ NAM	86	20	6	23	HÀ TĨNH	1	1	1
4	NAM ĐỊNH	62	33	9	24	QUẢNG BÌNH	1	1	1
5	THÁI BÌNH	64	34	6	25	QUẢNG TRỊ	1	1	1
6	HÙNG YÊN	1	1	1	26	T.T. HUẾ	5	5	2
7	HẢI DƯƠNG	5	4	3	27	QUẢNG NAM	4	4	3
8	HẢI PHÒNG	6	5	2	28	QUẢNG NGÃI	1	1	1
9	HÀ NỘI	6	6	4	29	KON TUM	1	1	1
10	BẮC NINH	8	6	5	30	BÌNH ĐỊNH	2	2	1
11	BẮC GIANG	5	4	3	31	PHÙ YÊN	3	3	1
12	QUANG NINH	2	1	1	32	ĐỒNG NAI	1	1	1
13	LẠNG SƠN	1	1	1	33	TP. HCM	2	2	2
14	TUYÊN QUANG	2	2	2	34	TÂY NINH	1	1	1
15	CAO BẰNG	1	1	1	35	B.R.VÙNG TÀU	1	1	1
16	THÁI NGUYÊN	2	2	2	36	BẾN TRE	2	2	2
17	LÀO CAI	1	1	1	37	BẠC LIÊU	2	2	2
18	PHÚ THỌ	3	3	3	38	AN GIANG	1	1	1
19	LẠI CHÂU	1	1	1	39	CÀ MAU	1	1	1
20	VĨNH PHÚC	2	1	1					

Ảnh tư liệu Sắc phong - Di tích



CHỦ TỊCH PHỦ

\*\*\*

Số : 181

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập - tự do - hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 1958

Kính gửi : Ông Lai Sỹ Đãi

Xã Phù Vân - huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam

Văn phòng Chủ tịch phủ nhận được đơn của ông xin phép được in 6 văn kiện dưới đây của Hồ Chủ Tịch vào tộc phả:

- 1 - Thư năm 1941 của Hồ Chủ Tịch gửi từ nước ngoài về;
- 2 - Lời Hồ Chủ Tịch kêu gọi Tổng khởi nghĩa;
- 3 - Lời Hồ Chủ Tịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến;
- 4 - Lời Hồ Chủ Tịch kêu gọi thi đua ái quốc;
- 5 - Thư Hồ Chủ Tịch gửi các cụ phụ lão;
- 6 - Thư Hồ Chủ Tịch gửi họ Lai trong dịp vận động tòng quân.

Văn phòng Chủ tịch phủ thấy việc in những văn kiện trên của Hồ Chủ Tịch vào tộc phả không có gì trở ngại. Trường hợp in nhiều văn bản cần xin ý kiến chính quyền địa phương để cho làm đúng thủ tục.

Vậy xin báo ông rõ ./.

Đóng gửi :

- UBHC huyện Kim Bảng (để biết)

VP CHỦ TỊCH PHỦ

*Lê Hữu Lập*  
(đã ký)

NGÀNH A

## CHI THỌ HẢI

Xã Thọ Hải - Thọ Xuân - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Thế Hiển đời 8 Đức Triệu tổ Lại Thế Tiên, con thứ 3 tổ Lại Thế Khanh.  
Gốc ở chi Quan Chiêm - xã Hà Giang - Hà Trung - Thanh Hóa.



SẮC PHONG: ĐẠI THẦN QUỐC CHÍNH, THƯỢNG TƯỚNG QUÂN

ĐỒ ĐỐC PHỦ: LẠI THẾ HIỂN, ĐỜI THỨ 8. CHI THỌ HẢI - THỌ XUÂN - THANH HÓA



SẮC PHONG: TẢ ĐÔ ĐỐC - THƯỢNG TƯỚNG QUÂN. QUẬN CÔNG LẠI THẾ HIỂN



SẮC PHONG: HÀO QUẬN CÔNG THƯỢNG TƯỚNG QUÂN LẠI THẾ HIỂN

賴氏本在廣東省廣州  
府順德縣之良家世教  
乃義都之巨族祖功宗  
德其來遠矣而宗祧既  
遠固難錄之也弟自  
翁使翁舍諱忌號贈來  
祀事以壽其傳奉抄蓋  
譜金美氏市甲乙氏使  
全族上下

Trang đầu cuốn phả chi họ Lại Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội "Có ghi Lại thị bản tại Quảng Đông tỉnh, Quảng Châu phủ, Thuận Đức huyện, chi lương gia thế hệ, Nghĩa Đô chi cự tộc" (họ Lại vốn dòng dõi nhà lành ở huyện Thuận Đức, phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông - là một họ lớn ở Nghĩa Đô).



HAI ĐẠO SẮC PHONG TỔ LẠI THỂ SÁNH ĐỜI 9 LÀ THIẾT CƯỜNG HẦU



ĐỒ ĐỐC QUYỀN QUẬN CÔNG TÔN THẦN LẠI THẾ DUY





CHỖ ĐÓNG

NGÀNH A

## CHI CỔ NINH

Thôn Cổ Ninh - xã Vũ Ninh - Kiến Xương - Thái Bình.  
Thờ tổ Lai Thế Duy đời 9 Đức Triệu tổ Lai Thế Tiên.  
Góc ở chi Phú Văn - Phú Lý - Hà Nam.  
Tờ được cấp bằng Di tích Lịch sử Văn hóa cấp tỉnh.



# CHI CHUNG

Tiên Du - Bắc Ninh.







DŨ ĐỐC QUYỀN QUẬN CÔNG TÔN THẦN LẠI THỂ DUY



# Phần I. HỌ LẠI VIỆT NAM - SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Phần thứ nhất

A. Từ nguồn gốc đến ngày nay

## I. Họ Lại - Sự hình thành và phát triển

Là một thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, họ Lại chúng ta đã có từ lâu trong cộng đồng cư dân Việt Nam mà nơi quần cư ban đầu là đồng bằng sông Nhị - khu vực ngã ba đường ở Đông Nam châu á, sớm trở thành nơi sinh trưởng, gặp gỡ và tiếp xúc giữa các bộ lạc thuộc nhiều nhân chủng và nhiều luồng giao lưu văn hóa dân tộc khác nhau trên đất liền và hải đảo phía nam bán cầu.

Những tài liệu khá sớm chép về họ Lại ta là bộ An Nam chí lược và bộ Việt sử lược soạn cuối đời Trần. Bộ An Nam chí lược có ghi “Lại Tiên làm Thái thú quận Giao chỉ Năm Chí Nguyên thứ 22 (1285) có quan An vũ sứ nội thuộc triều Nguyên tên là Lại ích Quy là cháu xa đời của Lại Tiên” . Bộ Việt sử lược ghi rõ công tích một người họ Lại tham gia công cuộc bảo vệ đất nước là Lại Linh, một vị tướng tài triều Lý, thời vua Lý Cao Tông và Lý Huệ Tông đã cùng Trần Thừa, Trần Tự Khánh và Trần Thủ Độ đánh Đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công, hai lần được phong tước hầu: Quan Nội hầu và Bảo Tín hầu , vì một lòng trung thành với nhà Lý đã khảng khái tự tận vào năm 1222, đúng ngày vua Lý Chiêu Hoàng khoác tấm hoàng bào lên vai nhường ngôi cho vị thiếu quân Trần Cảnh..

Dòng họ Lại ở Việt Nam từ xa xưa đã coi Thái thú Lại Tiên là vị tổ đầu tiên duy nhất của mình, mà cháu xa đời có Lại Linh đời Lý; Lại ích Quy đời Trần; Lại Thế Tương, Lại Thế Vinh, Lại Thế Khanh, Lại Thúc Mậu, Lại Kim Bảng, Lại Đăng Tiến, Lại Duy Chí đời Lê... Theo phả cũ của họ ta để lại thì khoảng thế kỷ XV, cụ tổ họ Lại là Lại Thế Tương ở thôn Đông xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay là xã Hà Dương huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa) chuyên làm thuốc chữa bệnh cứu dân. Di tích hiện còn mộ phần và nhà thờ tổ do một chi họ vẫn cư trú ở đây gìn giữ khói hương . Tính từ thời Viễn tổ Lại Tiên đời Đông Hán đến nay đã hơn 1800 năm. Tính từ thời danh tướng Lại Linh hoạt động (đầu thế kỷ XIII) đến Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 là hơn 700 năm, trong khuôn khổ chế độ phong kiến tập quyền mà đỉnh cao là triều đại nhà Lê, số lượng cư dân và địa bàn cư trú của họ Lại ta ngày càng phát triển do một số nguyên nhân chính có thể tóm lược như sau:

1. Do chế độ vua quan thực phong điền lộc, các cụ họ ta mang cư dân trong họ đi theo, lập nên những chi họ mới ở những nơi có lộc điền, hoặc có người đi làm quan mang theo vợ con đến nơi nhiệm sở rồi định cư luôn, hoặc cũng có người đến nơi nhậm chức, lập thêm gia đình, sinh con đẻ cái rồi đưa bà con họ hàng đến đây lập nghiệp, như thôn Thượng Hữu, xã Ban Liêu (gồm ba thôn Thượng Hữu, Đồng Vân, Giang Tả), huyện Thượng Hiền (sau đổi là huyện Thượng Nguyên rồi lại đổi là huyện Mỹ Lộc) thuộc Nam Đạo (sau gọi là Sơn Nam thừa tuyên, gồm các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Ninh Bình sau này) nay là phường Cửa Nam thành phố Nam Định, là lộc điền của cụ Lại Thế Vinh, Thái sư Dương quốc công được cấp khoảng năm Nguyên Hòa thứ 5 Đinh Dậu 1537. Số hộ thực phong đồng thời là cháu chất của cụ, tiếp tục sinh trưởng ở đây, ngày càng đông đúc mãi lên. Đôi câu đối cổ khắc trong ngôi “ tộc miếu “ ở Thượng Hữu đã nói lên nguồn gốc và công tích vẻ vang của họ Lại: Ngô tiên công

phụng Bắc đế lai, do Kinh Châu nhi Quang Lăng, nhi Ban Liêu, nhi thập lục tướng quân ba quốc sử / Ngã Lại tộc ư Nam bang hậu, tự Thiệu đế chí Hiển tổ, chí Hiển khảo, ki thiên niên thế hệ, chấn gia thanh. Tạm dịch : Tiên công ta do Bắc đế cử sang, từ Kinh Châu đến Quang Lăng, đến Ban Liêu, hai mươi sáu tướng quân ngời quốc sử / Họ Lại nhà tại Nam bang trú ngụ, tự Thiệu đế chí Hiển tổ, chí Hiển khảo, mấy trăm năm thế hệ rạng gia phong.

Lại nữa, thôn Mã Chiên xã Yên Đồng huyện Yên Mô phủ Tường An, Sơn Nam thừa tuyên (sau thuộc tỉnh Ninh Bình) nay thuộc huyện Tam Điệp tỉnh Ninh Bình, vốn là lộc điền của cụ Lại Thế Khánh, Phò mã Đại tướng quân gia phong Khánh quận công, kết hôn với Công chúa Trịnh Thị Ngọc Hiếu con gái Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1657). Chi này sau có một số cụ theo chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, sau chuyển ra trấn thủ cửa Nhật Lệ, rồi thuyên chuyển quanh vùng Thuận Hóa, Quảng Nam..., dần dần bá tử thiên tôn, mặc nhiên trở thành thủy tổ của những chi họ Lại ở miền Trung. Hiện nay con cháu rất đông đúc ở thôn Trung Bính xã Bảo Ninh huyện Đông Hới, ở các xã Dưỡng Mông Thượng, Dưỡng Mông Hạ huyện Phú Vang; An Nông, Hà Châu, Lộc Bồn, Lộc An, Vĩnh Mỹ... thuộc các huyện Phú Lộc, Hương Phú ở ngoại thành cố đô Huế. Một số chi họ ta ở các huyện Thăng Bình, Điện Bàn, Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam, ở xã Phú Mỹ huyện Đông Xuân, xã Tuy An thị xã Tuy Hòa tỉnh Phú Yên, xã Vĩnh Bình huyện Hồng Dân, xã Vĩnh Mỹ huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Tây Ninh và nhiều chi khác, cũng đều phát triển do những nguyên nhân tương tự.

2. Do công cuộc khai hoang lấn biển mở rộng đất đai vào cuối thế kỷ XV của các thế hệ họ Lại mở đầu dưới sự chỉ huy của cụ Lại Thế Xuân, tức Xuân Không, thủy tổ ngành B của họ ta. Các cụ đã tốn nhiều nhân tài vật lực, khai hoang lấn biển, thành lập xã Quần Anh (xem thêm phần sau nói về sự tích cụ Lại Xuân Không, có tham khảo tư liệu của Nhà Bảo tàng huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định). Các chi họ Lại ta ở các xã Hải Trung, Hải Long, Hải Sơn, Hải Hưng thuộc huyện Hải Hậu ra đời từ đó.

Vùng Niệm Hạ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xưa là bãi biển cửa sông Trà Lý, còn gọi là cửa Bo (Kì Bó hải khẩu), chỗ thôn Kì Bá thị xã Thái Bình ngày nay, là lộc điền của cụ Lại Thế Duy, Đô chỉ huy sứ, Đồng tri Đề đốc Tứ vệ quân Tướng quân, gia phong Quyền quận công. Số đất thực phong lúc đầu là do con cháu bà vợ thứ của cụ khai khẩn, lập nên xã Niệm Hạ; sau đất bồi rộng thêm, cụ Lại Thế Duy đã mời anh ruột là cụ Lại Thế Hựu hiệp lực khai khẩn, mở thêm được thôn Cổ Ninh. ở đây, ruộng đất phi nhiêu, cư dân họ ta phát triển ngày càng đông đúc phồn vinh.

3. Ngoài ra còn phải kể đến công cuộc di dân theo dòng lịch sử của những người lao động bình thường trong họ ta đến những nơi làm ăn thuận tiện do yêu cầu cuộc sống riêng hoặc do yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước của những người thuộc mọi tầng lớp hoặc vì muốn tránh sự áp bức bóc lột của bọn cường hào, hoặc vì tệ khao vọng quá nặng nề đến nỗi vong gia thất tổ, phải dời bỏ quê hương đi định cư ở một nơi khác.

Lịch sử hình thành các chi ở rải rác các nơi phần lớn đều có chép trong gia phả, quốc sử hoặc lịch sử địa phương, hoặc theo truyền thuyết của họ ta. Tính đến nay, theo thống kê bước đầu năm 2003, chúng ta đã nhận biết được gần 300 chi họ Lại ở các địa phương thuộc 39 tỉnh thành trong cả nước (chưa kể một số nhánh nhỏ rải rác ở các nơi chưa thống kê hết) . Phần nhiều các chi đều nắm được nguồn gốc và vị trí của chi mình trong bảng phổ hệ chung của họ. Câu “Nam Bang Nhất Lại“ nghĩa là họ Lại chỉ có một ở Việt Nam, lưu truyền lâu nay đã trở thành niềm tin sâu sắc đối với cả họ chúng ta. Dù ở nơi nào, miền bắc,

miền trung hay miền nam đất nước, người họ Lại gặp nhau là nhận nhau, nhanh chóng thông cảm và trở nên thân thiết.

## Phần II. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HỌ LẠI TRONG SỰ NGHIỆP DỰNG VÀ GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, các thế hệ họ Lại ta cùng các dòng họ khác trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đã không ngừng đấu tranh chống thiên nhiên để đẩy mạnh sản xuất, chống ngoại xâm để tồn tại, để bảo vệ độc lập và thống nhất nước nhà. Trong sự nghiệp chung đó, họ Lại ta đã góp phần công lao đáng kể. Điều đó đã thể hiện rất rõ qua một số sử liệu ít ỏi còn lưu truyền đến nay.

1. Đến thế kỷ XIII đất nước ta lâm vào cảnh loạn lạc nhiều nhưng do những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các phe phái phong kiến gây ra. Các thế lực cát cứ mạnh nhất lúc bấy giờ có Đoàn Thượng ở Hồng Châu thuộc Hải Dương ngày nay, Nguyễn Tự ở Quốc Oai Hà Tây, Nguyễn Nộn ở Bắc Giang, Phan Cự ở Cam Giá Hà Tây, chính tướng Lại Linh một vị tướng tài họ Lại đã tôn phò nhà Lý, đời vua Lý Cao Tông (1175-1210) và Lý Huệ Tông (1210-1225) giữ gìn bờ cõi, dẹp yên nạn phong kiến cát cứ, giữ vững nền thống nhất nước nhà. Vì chiến công đó, năm Bính Tý 1216 cụ được phong tước Quan Nội hầu (được phong tặng cùng tước và cùng lúc với Trần Liễu thân phụ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn). Năm Mậu Dần 1218 cụ được phong tước Bảo Tín hầu giữ chức Khu mật tả sứ Giám nghị đại phu và được cử trấn thủ châu Nghệ An. Vì trung thành với triều Lý, Giám nghị đại phu Lại Linh đã bị anh em Trần Tự Khánh và Trần Thủ Độ âm mưu thoán nghịch hãm hại năm 1222.

2. Khi Lam Sơn động chủ Lê Lợi truyền hịch (Mậu Tuất 1418) kêu gọi nhân dân đứng lên đánh đổ quân Minh xâm lược, năm Kỷ Hợi 1419 cụ Lại Đôn Tín đã gia nhập nghĩa quân. Khi đại quân tiến ra Bắc, cụ Đôn Tín lĩnh một cánh quân theo triền sông Đáy đến trấn Sơn Nam, qua Cổ Lộng bị quân giặc đồn này cản lại. Nhờ có bà chúa Do làm nội ứng, cụ diệt được đồn, tạo điều kiện cho nghĩa quân tiến ra đánh thành Đông Đô được nhanh chóng dễ dàng. Khi truy phong công thần tiền triều, vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đã tặng phong cụ là Trung dũng tương quân.

3. Đời vua Lê Chiêu Tông niên hiệu Quang Thiệu thứ 1 (Bính Tý 1516). Trần Cảo nổi lên chiếm cứ các huyện Thủy Đường (tức huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng hiện nay) và Đông Triều (trước thuộc tỉnh Hải Dương nay sát nhập vào tỉnh Quảng Ninh), kéo quân từ huyện Tiên Du, huyện Quế Dương (lần lượt thuộc tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang hiện nay) và huyện Gia Lâm (nay là ngoại thành Hà Nội) xâm phạm bến Bồ Đề. Nhà vua thân ngự Điện Trường thọ chỉ huy các tướng Đông Nham bá Lại Thúc Mậu, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng và Minh Vũ bá Trịnh Hồng, thống lĩnh quan quân đi dò sang đánh ở làng Lâm Hạ, Trần Cảo bị thua to chạy về Châu Sơn. Lần sau, Cảo lại xâm phạm kinh thành, nhà vua thân chinh cầm quân đánh Cảo, Cảo thua chạy. Vua về Đông Kinh, khen thưởng tướng sĩ và cử các tướng đi canh giữ các nơi. Đông Nham bá Đô đốc Lại Thúc Mậu được thăng tước An Mỹ hầu và được cử đi tuần hành binh định xứ Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh).

4. Đời Lê Cung Hoàng niên hiệu Thống Nguyên thứ 4 (1525) Mạc Đăng Dung đã tự xưng là Đô tướng,

thống nhất các doanh quân thủy bộ, vào đánh Trịnh Tuy ở châu Lang Chánh (Thanh Hóa). Trịnh Tuy chết, Đãng Dung cướp lấy vua đem về để ở phường Đông Hà (nay thuộc huyện Hoài Đức, ngoại thành Hà Nội) rồi dùng uy lực bắt ép các quan trong triều phải theo y. Đô ngự sử Tiến sĩ Lại Kim Bảng kiên quyết chống lại. Cụ đã lánh về quê cũ, cũng bị vờ ra triều đình. Nhưng cụ vẫn không chịu, khi đi dò qua giữa dòng sông Nhị, cũ mũ áo chỉnh tề, bái vọng về Lam Sơn, rồi lớn tiếng chửi mắng Đãng Dung và gieo mình xuống sông, bảo tồn danh tiết .

Sách Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú do Quốc sử quán triều Nguyễn ấn hành và sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn , cả hai sách trên cùng ghi chung về Lại Kim Bảng với Nguyễn Thái Bạt... và thêm rằng: “Lại Kim Bảng ở làng Kim Lan, cùng huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) với Thái Bạt“... “Đến lúc nhà Lê Trung Hưng biểu dương đền thờ hai ông là Tiết nghĩa song từ. Đời vua Thiệu Trị và Tự Đức đều có sắc phong. Hai ngôi đền lẫm liệt, ai trông thấy cũng phải cung kính“.

5. Năm Đinh Hợi 1527 tập đoàn phong kiến quyền thần do Mạc Đãng Dung cầm đầu đã phế truất triều đình Hậu Lê rồi thống trị cả vùng Bắc Bộ ngày nay, thiết lập nên triều đình nhà Mạc (sử gọi là Bắc Triều). Để củng cố địa vị của mình, Mạc Đãng Dung đã thỏa hiệp với nhà Minh, nhưng sĩ phu trong nước vẫn tưởng nhớ nhà Lê. Với khẩu hiệu “Phù Lê diệt Mạc“, họ đã tập hợp lại ở vùng Thanh Hoa, Nghệ An thành một lực lượng chống Mạc, mà nòng cốt là các tướng Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Trịnh Công Năng và Lại Thế Vinh. Năm Kỷ Sửu 1529 tướng Lại Thế Vinh chịu trách nhiệm liên hệ với nước Lào, được vua Xạ Đẩu cho mượn đất Sầm Châu (nay là Sầm Nưa) làm căn cứ đóng quân. Năm Quý Ty 1533 tướng Lại Thế Vinh được lệnh đem quân từ Sầm Châu theo dòng sông Chu về giải phóng huyện Lôi Dương (Thọ xuân ngày nay), đắp lũy Vạn Lại, dựng tạm cung điện làm nơi tôn lập thái tử Lê Duy Ninh lên ngôi. Đó là vua Trang Tông nhà Lê Trung Hưng (sử gọi là Nam Triều).

Đời Lê Trang Tông niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (Kỷ Hợi 1539), vua phong cho Trịnh Kiểm làm Dực quận công, Lại Thế Vinh làm Hòa quận công, ban cho mỗi người một quả ấn “tướng quân“, giao quản lý quân bản bộ đi bình định các địa phương thuộc Thanh Hoa (vùng Thanh Hóa, Ninh Bình hiện nay), tiến đánh quân Mạc. Nơi nào quân Mạc cũng thua to. Hòa quận công Lại Thế Vinh giữ chức Trấn thủ Nam đạo (gồm các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Hưng Yên hiện nay). Năm Canh Ngọ 1570, khi Thái sư Trịnh Kiểm mất, Hoà quận công được ban cáo sắc phong Thái sư Dương quốc công, cùng với tướng Trịnh Cối cầm quân đánh Mạc.

Đời Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng thứ I (Mậu Dần 1578), Thái sư Dương quốc công Lại Thế Vinh mất, được truy tặng chức Thái tể Trang quốc công .

6. Lại nữa, Thái tể Khiêm quốc công Lại Thế Khanh là cháu đời thứ 7 của đức Triệu tổ, là tướng cầm quân trong nhiều đời vua, có nhiều huân công chiến tích nhất trong số các vị tướng người họ Lại ở thời kỳ Trung Hưng nhà Lê. Vì thế nên nhiều sử sách quốc gia ghi chép nhiều lần về cụ như: Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên và Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn. Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí và Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú, Lịch sử chế độ phong kiến của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Trong các sách trên thì mục Nhân vật chí trong Lịch triều hiến chương loại chí, của Phan Huy Chú nói về

cụ Lại Thế Khanh là “tướng có tiếng là tài giỏi“ đã tổng kết ngắn gọn mà đầy đủ như sau: “Ông người làng Quang Lăng huyện Tống Sơn [xứ Thanh Hoa]. Niên hiệu Nguyên Hòa [1533-1548], theo Lương quốc công Trịnh Kiểm đi đánh dẹp các nơi, trải nhiều gian lao, được phong An quận công.

“Đầu đời Chính trị [1556-1572] Thái vương [Trịnh Kiểm] cất đại quân đánh Mạc, ông cùng Vũ Sư Thước chia nhau giữ cửa biển. Năm sau, Mạc Kính Điển vượt biển vào cướp, bấy giờ quân vua đi xa, ông thấy quân mình ít không địch được giặc đông, mới cùng Sư Thước lui giữ An Trường cho vững căn bản. Quân giặc đến, hai người dồn sức chống cự, cho phục binh ra đánh bại tiền quân giặc, thắng liền mấy trận, vừa lúc gặp quân Hữu Liêu đến, trong ngoài giáp công, giặc thua to.

“Năm Canh Ngọ [1570] Thái vương mất, ông giữ cửa biển Chi Long, Thần Phù để phòng giặc. Khi Trịnh Cối chạy sang phía Mạc ông dẫn binh trốn vào Vĩnh Phúc, vượt qua Cẩm Thủy, đến cửa An Trường, hội hợp với các tướng cùng hợp mưu đánh giặc. Quân Mạc lui. Vua bàn cất đại quân ra đánh, sai ông đi mạn phía tả tiến đánh, lấy được các huyện Tống Sơn, Nga Sơn. Ông đi đến đâu, quân lưu thú của giặc bỏ chạy đến đấy. Năm Tân Mùi [1571] khi bàn công, ông được lên chức Thiếu phó. Năm Nhâm thân [1572] quân Mạc cướp Nghệ An, ông đem quân cứu viện, quân đến nơi thì giặc đã lui rồi, ông bèn đi kinh lược vùng duyên hải rồi về.

“Năm đầu Quang Hưng [1578] ông mất, được truy tặng chức Thái tử Khiêm quốc công“.

7. “Năm ất Dậu 1585, ở vùng đông bắc nhà Mạc, từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa, ở Đông Đạo và Bắc Đạo lúa mạ chết khô, nhân dân bị đói kém. Tiến sĩ Thiêm Đô Ngự sử Lại Mẫn dâng sớ lên vua Mạc [Mậu Hợp] cực lực nói về “việc hình phạt ngục tụng thì oan uổng hà lạm, phú thuế sưu dịch thì phiền nhiễu nặng nề, xin đổi chính sự tề hại cứu chữa đau khổ cho dân được sống lại“ .

8. Tháng 4 năm Quang Hưng thứ 18 (ất Mùi 1595). Đức Trạch hầu Lại Thế Quý Tổng binh Thái Nguyên đem quân đến châu Cẩm Hóa, gặp quân của Mạc Kính Dụng, tướng Lại Thế Quý tung quân ra đánh, chém cất tai được 600 thủ cấp, lại lấy được 1 voi đực, 10 ngựa và quân khu khí giới khi tấn công Cao Bằng, bắt giết được ngự Kỳ Sơn vương và Phúc vương. Xuân Sơn vương bị thua liên tiếp bèn xin hàng sau đó bị giết .

Đời Lê Thế Tông niên hiệu Quang Hưng thứ 21 (Mậu Tuất 1598), tháng 11 dư Đảng nhà Mạc chủ yếu chỉ còn Kính Cung, Kính Khoan hoạt động ở vùng Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn. Trình Tùng quyết định mở một cuộc tấn công vào vùng căn cứ cuối cùng của nhà Mạc, bèn cử Hoàng Đình ái lên Lạng Sơn đánh dẹp. Quân Mạc thua to. Kính Cung phải chạy trốn sang Long Châu Trung Quốc. Trình Tráng đánh lên các châu Thống Hóa, Cẩm Hóa thuộc tỉnh Thái Nguyên. Tổng binh tỉnh Thái Nguyên là Đức Trạch hầu Lại Thế Quý thì đánh dẹp xứ Cao Bằng là căn cứ vững chắc nhất của họ Mạc. Quân của tướng Lại Thế Quý không quen thung thỏ, đến núi Tam Lộng, giặc đem các lính man từ bốn phía đánh giáp lại phải phá mãi vòng vây, chạy ba ngày đêm đến núi Thượng Tư, rồi buộc phải rút quân.

Tam Ty nhà Minh nghe tin Mạc Kính Dụng đã bị mất, lại nhận hối lộ của Kính Cung, nên xin cho y được an tháp ở Cao Bằng .

9. Trong giai đoạn lịch sử cuối thời Hậu Lê này, trên vũ đài chính trị, ta thấy xuất hiện ngày càng đông

đạo và liên tục những văn tài và võ tướng người họ Lại.

Riêng trong thời Lê - Mạc họ Lại đã có 18 Quận công, nhiều hầu tước, bá tước, tử tước, nam tước và 9 tiến sĩ (có tên ở Văn Miếu, sử sách hoặc bia phủ ở quê nhà). Sau đây là tên quan tước của chư vị tiên tổ (con cháu đức thủy tổ Lại Thế Tiên, thân phụ đức triệu tổ Lại Thế Tương mở đầu dòng họ Lại tại Quang Lăng):

- + Đồi thứ 2: Lại Thế Tương - Trung đô Phủ doãn
- + Đồi thứ 3: Lại Thế Gia - Diễn Khánh hầu
- + Đồi thứ 4: Lại Thế Lạc - Thái bảo Tín quận công
- + Đồi thứ 4: Lại Thế Xuân - Ngự lâm trung quân
- + Đồi thứ 5: Lại Thế Tương - Thái bảo Nhân quận công
- + Đồi thứ 6: Lại Thế Vinh - Thái tử Trang quốc công
- + Đồi thứ 6: Lại Thế Đạt - Hữu phủ Lương quận công
- + Đồi thứ 6: Nguyễn Vĩnh Truyền - Nghiêm Lễ hầu
- + Đồi thứ 7: Lại Thế Mỹ - Thái bảo Phúc quận công
- + Đồi thứ 7: Lại Thế Khanh - Thái tử Khiêm quốc công
- + Đồi thứ 7: Nguyễn Phúc Quảng<sup>3</sup> - Tường Lâm hầu
- + Đồi thứ 8: Lại Phúc Khánh - Tham đốc Lăng quận công
- + Đồi thứ 8: Lại Thế Tướng - Thiếu bảo Lễ quận công
- + Đồi thứ 8: Lại Thế Định - Đô đốc Tiên quận công
- + Đồi thứ 8: Lại Thế Hiện - Thái bảo Hào quận công
- + Đồi thứ 8: Nguyễn Đình Chính - Vân Lĩnh nam
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Hữu - Tuấn tài hầu
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Hiện - Đại tướng Phương quận công
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Thời - Đô đốc Phò mã Lăng quận công
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Giáp - Thái Sơn hầu
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Duy - Đô đốc Quyền quận công
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Viễn - Vinh Lộc hầu
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Sách - Nhuệ Cường hầu
- + Đồi thứ 9: Lại Thế Quý - Đức Trạch hầu
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Khánh - Phò mã Khánh quận công
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Giao - Khuông Nghĩa hầu
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Tế - Đại tướng Nghiêm quận công
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Cháp - Dĩnh Siêu hầu
- + Đồi thứ 10: Lại Thế ất - Ứng Lộc bá
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Tính - Cần Bá hầu
- + Đồi thứ 10: Lại Thế Hiệu - Hào quận công
- + Đồi thứ 10: Nguyễn Quốc Cương - Thái thường tự Quyền tham chính
- + Đồi thứ 11: Lại Phước Kỳ - Đô quận công
- + Đồi thứ 11: Lại Thế Ân - Thịnh Lộc hầu
- + Đồi thứ 12: Nguyễn Giác Hiên - Thái bảo tự khanh, Sùng đạo hầu.
- + Đồi thứ 14: Lại Phú Vinh - Đô Thịnh hầu
- + Đồi thứ 14: Lại Thuần Trí - Thập Lí hầu
- + Đồi thứ 14: Lại Phước Toàn - Thập Lí hầu



- + Đòi thứ 15: Lại Đức Hoành - Chiêu Thọ bá
- + Đòi thứ 15: Lại Thế Tích - Quang Lộc bá
- + Đòi thứ 15: Lại Phúc Lễ - Chu Hào bá
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Mỹ - Chu Sơn bá
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Trinh - Thuận Chính tử
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Tường - Cận Lợi tử
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Thuận - Tường Long tử
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Can - Thiêm Lộc nam
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Điền - Văn Lương nam
- + Đòi thứ 15: Lại Phước Cương - Văn Tài nam
- + Đòi thứ 18: Lại Danh Hữu - Văn Mĩ nam
- + Đòi thứ 18: Lại Văn Trị - Văn Nhuệ nam

Sau đây là các Tiên sĩ họ Lại thời Lê - Mạc:

- 1) Lại Đức Du, Đệ nhị giáp Tiên sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Quý Sửu niên hiệu Hồng Đức thứ 24 (1493) đòi Lê Thánh Tông.
- 2) Lại Gia Phúc, Đệ nhị giáp Tiên sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Giáp Tuất niên hiệu Hồng Thuận thứ 6 (1514) đòi Lê Tương Dực. Có bia ở Văn Miếu.
- 3) Lại Kim Bảng, Đệ nhị giáp Tiên sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Mậu Dần niên hiệu Quang Thiệu thứ 3 (1518) đòi Lê Chiêu Thống. Có bia ở Văn Miếu.
- 4) Lại Mẫn, Đệ tam giáp Đồng Tiên sĩ xuất thân khoa ất Sửu niên hiệu Thuận Phúc thứ 4 (1656) đòi Mạc Hậu Hợp.
- 5) Lại Đăng Tiên, Đệ tam giáp Tiên sĩ khoa Tân Sửu niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 1 (1661) đòi Lê Thần Tông. Có bia ở Văn Miếu.
- 6) Nguyễn Quốc Cương, Đệ tam giáp Tiên sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn niên hiệu Chính Hòa thứ 9 (1688) đòi Lê Hi Tông.
- 7) Lại Duy Chí, Đệ tam giáp Tiên sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa thứ 20 (1700) đòi Lê Hi Tông. Có bia ở Văn Miếu và ở đền Cổ Loa.
- 8) Lại Uất Môn, Đệ nhị giáp Tiên sĩ (theo phả họ Lại chi Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa).
- 9) Lại Kim Liên, Tam giáp Tiên sĩ, bia mất, phả rách, chưa tra cứu được rõ thêm.

Hai điển hình nổi bật sau đây về phẩm chất cao đẹp nảy nở ở con người họ Lại mãi mãi là niềm tự hào của đời đời con cháu mai sau.

- a) Trung Dũng tướng quân Lại Đôn Tín, sau khi tham gia nghĩa quân Lam Sơn diệt xong quân Minh xâm lược, nhà hậu Lê đã thống nhất đất nước, cụ không ở lại làm quan như hầu hết những người thuở đó, lại xin về vui cảnh ruộng vườn, bầu bạn với bà con thôn xóm.
- b) Thiêm đô ngự sử Tiên sĩ Lại Mẫn, sớm dùng sách lược “đấu tranh hợp pháp” để thể hiện trách nhiệm của mình đối với giống nòi, tha thiết yêu nước thương dân.

Là con cháu của các vị tổ tiên đã có những chiến công bảo vệ đất nước và những việc làm đem lại lợi ích cho đời sống của nhân dân, chúng ta nguyện sống cho ra sống, để đến khi nhắm mắt xuôi tay không hổ thẹn với lương tâm, không hối hận vì thiếu trách nhiệm làm người. Từ suy nghĩ đó, nhiều vị trong họ đã

hiểu biết lẽ sống, chủ yếu trong giới có học vấn, tuy đỗ đạt nhưng ngán cảnh hoạn trường, chỉ ở ẩn nơi quê hương, dạy học và làm thuốc, thể hiện ý chí cao thượng của mình và tự nguyện phục vụ suốt đời cho nghề cao quý ấy.

Trong quá trình lịch sử của nước nhà, dưới chế độ phong kiến cũng như dưới ách thống trị của thực dân Pháp đặc biệt là sau Cách mạng tháng Tám bà con họ Lại ta đã không ngừng đấu tranh chống giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước đã nêu biết bao tấm gương anh dũng đổ máu hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân.

10. Ôn lại lịch sử của họ nhà, chúng ta vô cùng trân trọng những truyền thống tốt đẹp của ông cha, càng quý trọng nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc mà từ tổ tiên cho đến chúng ta, đã bao đời dày công vun đắp. Sự công hiến đó của họ ta đã được đánh giá xứng đáng. Xin dẫn chứng sau đây hai sự việc.

a) Hơn 300 năm trước, năm Bính Ngọ 1666, vua Lê Huyền Tông khen ngợi họ ta là “Khai quốc công thần, triều Nam hữu Lại“, nghĩa là “Trong số những bầy tôi lập công mở nước xây dựng nước Nam, có người họ Lại“. Nhà vua còn tự tay đề tặng họ ta một đôi câu đối hiện được khắc gỗ sơn son thếp vàng tại Từ đường họ Lại, thờ đức triều tổ Lại Thế Tương và Khiêm quốc công Lại Thế Khanh tại xã Hà Dương huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa như sau:

“Quân tử sự quân, vũ trụ uyên lưu dư khí tiết  
Tướng môn xuất tướng, sơn hà do kí cự huân danh“.

Tạm dịch là:

“Quân tử thờ vua, khí tiết tiếng thơm trùm vũ trụ  
Tướng tài sinh tướng, huân công dấu cũ đượm non sông“

Trong Từ đường còn có ba bức hoành phi: ở giữa là Vạn thế vĩnh Lại, ở hai bên là Khai quốc công thần và Triều Nam hữu Lại.

Hiện nay, Từ đường họ Lại xã Hà Dương huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa đã được xếp hạng Di tích Lịch sử văn hóa (Quyết định số 483/QĐVHTT của Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Thanh Hóa ngày 20/11/2000).

b) Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do thành tích ”hăng hái tòng quân giết giặc, bảo vệ đất nước và góp phần chung sức kháng chiến mọi mặt” của họ ta ở Phù Vân Hà Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen ngợi họ ta, toàn văn bức thư như sau:

Chúng ta vô cùng tự hào về công đức to lớn của các vị tổ tiên và những thành tích của lớp lớp cha anh đã đóng góp với nhân dân cả nước trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Tuy nhiên, ở những thời điểm khác nhau, đây đó có những người có những suy nghĩ và việc làm chưa theo kịp với trào lưu của lịch sử, của cộng đồng: điều đó không có gì lạ. Năm 1946, trong thư gửi đồng bào Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh có dạy: “Năm ngón tay cũng có ngón dài, ngón ngắn; nhưng dài ngắn đều họp lại nơi bàn tay. Trong mấy chục triệu người cũng có người thế này hay thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên.” Họ Lại ta cũng vậy, chúng ta quyết nghe theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, đoàn kết thương

yêu đùm bọc lẫn nhau, thực hiện lời cầu chúc từ bao đời nay của họ ta là Vạn Thế Vĩnh Lại, cùng toàn Đảng, toàn dân đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh chung cho hòa bình và thịnh vượng trong khu vực và trên toàn thế giới.

### **Phần III. DUỆ HIỆU CÁC VỊ TIÊN TỔ**

Viễn tổ khảo : Giao chi Thái Thú, Lại quý công huy Tiên phủ quân tôn thần.

Xuân tế ngày 15-01 Âm lịch.

Khai hoạn thủy tổ, Lí triều Đô thống, Khu mật tả sứ Giám nghị đại phu, tước phong Quan Nội hầu , gia phong Bảo Tín Hầu Lại quý công tự Linh, thụy Uy Dũng Cương Chính phủ quân tôn thần.

Xuân tế ngày 15 tháng giêng Âm lịch

Thủy tổ khảo : Lại quý công tự Thế Tiên phủ quân. Xuân tế ngày 15-01 Âm lịch.

Triệu tổ khảo : Lê triều Huyện thừa, Lại quý công tự Thế Tương, thụy Trung Tín phủ quân tôn thần. Kị 05-01 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Phòng ngự đồng tri, Gia Thụy bá, truy phong Diễn Khánh hầu thụy Dục Đức, Lại quý công tự Thế Gia phủ quân. Kị 02-01 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Mai quý thị hiệu Từ Tín phu nhân. Kị 06-7 Âm lịch.

Trưởng chi thủy tổ khảo: Lê triều Cẩm y vệ, Điện tiền chỉ huy sứ, Hậu Khánh hầu, tằng phong Thái bảo Tín quận công, thụy Trung Tín, Lại quý công huy Thế Lạc phủ quân tôn thần. Kị 01-3 Âm lịch.

Trưởng chi thủy tổ ti: Lại môn chính thất hiệu Từ ái phu nhân. Kị 20-8 Âm lịch.

Thứ chi thủy tổ khảo: Lê triều Ngự lâm trung quân, Nguyễn triều Dục bảo Trung hưng linh phủ tôn thần, gia tằng Đoan Túc tôn thần, Lại quý công huy Thế Xuân, tự Xuân Không phủ quân tôn thần. Kị 14-01 Âm lịch.

Thứ chi thủy tổ ti: Lại môn chính thất Lưu quý thị hiệu Từ Huệ phu nhân. Kị 14-01 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Thượng tướng, Đông Nham hầu, truy phong Thái bảo Nhân quận công, Lại quý công huy Thế Tường, thụy Trung Thuần phủ quân tôn thần. Kị 21-8 Âm lịch.

Thế tổ ti: Lại môn chính thất Hồ quý thị hiệu Từ Hạnh phu nhân. Kị 19-9 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Trung Hưng công thần, Hoà Trung hầu, Nam đạo Trấn thủ, tước phong Hòa quận công, gia phong Thái sư Dương quốc công, truy phong Thái tử Trang quốc công Lại quý công, huy Thế Vinh, hiệu Phúc Uyên, thụy Văn Hiến phủ quân; Nguyễn triều vinh phong Lại Đại vương thượng thượng đẳng thân. Thờ ở tộc miếu tại bản xã. Mộ táng tại xứ Lộng Đồng Tha Ma Mã Cả ở thôn Thượng Hữu xã

Nam Vân thành phố Nam Định, hợp táng cùng phu nhân. Kị 10-10 Âm lịch.

Thế tổ ti: Lại môn chính thất Nguyễn quý thị hiệu Từ Nhân phu nhân. Kị 14-12 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Hữu hiệu điểm Đạt Lương hầu, gia phong Hữu phủ Lương quận công, Lại quý công hứy Thế Đạt phủ quân tôn thần. Kị 07-3 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Nguyễn quý thị hứy Tự, hiệu Từ Minh, phu nhân. Kị 18-02 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Đôn hậu Dực vận tán trị công thần Đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu Tư lễ giám Đò thái giám Chương giám sự Nghiêm Lễ hầu Nguyễn quý công tự Vĩnh Truyền phủ quân.

Thế tổ khảo : Lê triều Bắc thảo Tướng quân, Thái bảo Phúc quận công, Mạc triều Khánh quận công, Lại quý công hứy Thế Mĩ, thụy Hoằng Nghị phủ quân tôn thần. Mất 1- 8 năm Đinh Sửu 1577.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Chánh phu nhân hiệu Từ Minh. Kị 29-11 Âm lịch.

Lại môn á thất hiệu Từ Đức phu nhân. Kị 8-11 Âm lịch.

Lại môn á thất hiệu Từ ý phu nhân. Kị 06-3 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Trung hưng công thần, Đô đốc phủ Chương sự, Thái phó An quốc công, tặng phong Thái tử Khiêm quốc công, gia phong Phù tín địch lộc trạng nghĩa phụ quốc Cẩn lễ công; Nguyễn triều Đoan Túc Dực bảo Trung hưng tôn thần, Lại quý công tự Thế Khanh thụy Cung Thận phủ quân tôn thần. Mộ táng dưới gốc cây hoàng li xứ Ròng Lặn thôn Đông Quang Lãng (nay ở thôn Quan Chiêm xã Hà Giang), tọa Quý hướng Đinh. Mất ngày 27-9 năm Kỉ Mão 1579.

Thế tổ ti: Lại môn chính thất Hoàng quý thị hiệu Từ Nghiêm phu nhân. Kị 21-11 Âm lịch. Mộ táng tại gò Ngũ Tinh xứ Mả Vượt, tọa Dần hướng Kỉ.

Thế tổ khảo : Lê triều Đoan Trang hầu, Thiếu bảo Lễ quận công, Lại quý công tự Thế Tướng, thụy Trung Tín phủ quân tôn thần. Mộ táng tại Mả Chùa hạ, tọa ất hướng Tân. Kị 13-7 Âm lịch.

Thế tổ ti: Lại môn chính thất Nguyễn quý thị hiệu Diệu Thái phu nhân. Kị 02-5 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Đô đốc Đồng tri, Đô đốc phủ Hữu đô đốc, Tiên quận công, tặng phong Tráng tiết tướng quân, Lại quý công tự Thế Định, hiệu Thuận Lương phủ quân tôn thần. Kị 03-11 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất hiệu Từ ái phu nhân. Kị 12-4 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Sùng tiến Trấn quốc Đại tướng quân An Tràn phủ Trấn thủ Hào quận công, Lại quý công tự Thế Hiển, thụy Trung Dũng phủ quân tôn thần.

Thế tổ khảo: Lê triều ám phong Đặc Tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ ti Đô chỉ huy sứ Tường Lân hầu, Lại quý công hứy Vĩnh Quảng tự Trinh Tường thụy Phúc Quảng phủ quân.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất hiệu Huy Cung phu nhân.

Thế tổ khảo : Lê triều Tiên tiến Vinh lộc đại phu Nam Sách-Thường Tín Đồng tri phủ, Vân Lĩnh nam, Nguyễn quý công huy Đình Chính, tự Thận Đức, thụ Trung Túc phủ quân.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất huy Chủng chánh phu nhân.

Thế tổ khảo : Lê triều Tuấn Tài hầu Tiên Hưng-Thái Bình nhị phủ Đề đốc , Lại quý công huy Thế Hữu, tự Tuấn Tài phủ quân.

Thế tổ khảo : Lê triều Đô đốc phủ Hữu đô đốc, Thanh Hoa ngoại đạo Trấn thủ, tặng phong Tráng tiết tướng quân, Phương quận công, Lại quý công tự Thế Hiền, hiệu Nghiêm Trí, thụ Minh Khánh phủ quân tôn thần. Mộ táng tại xứ Mã Vượt tọa Nhâm hướng Bính. Kị 26-10 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Hoàng quý thị danh Cai Hoa, hiệu Từ An phu nhân. Kị ngày 26/3 Âm lịch. Lại môn á thất phu nhân Trịnh quý thị pháp hiệu Tu Thân, thụ Từ Tâm, cung nhân quận chúa. Mộ táng tại xứ Đồng Kim. Kị 02-1 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Đô đốc phủ Hữu đô đốc, Phò mã Lãng quận công, tặng phong Tráng tiết tướng quân, Lại quý công tự Thế Thời, thụ Minh Đức phủ quân tôn thần. Kị 15-12 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Trịnh quý thị Trưởng công chúa huy Ngọc Càn . Kị cùng ngày với tướng công.

Thế tổ khảo : Kiên Sơn Linh ứng, Bắc thảo Tham chính, truy phong tam phẩm, Lại quý công tự Thế Hựu thụ Huy Đường phủ quân tôn thần. Kị 16-6 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Lê quý thị hiệu Đoan Chính phu nhân. Kị cùng ngày với cụ ông 16-6 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn chính thất Nguyễn quý thị hiệu... phu nhân.

Thế tổ khảo : Thái Sơn hầu Lại quý công tự Thế Giáp, hiệu Phúc Tấn, thụ Thuần Nghĩa phủ quân tôn thần. Kị 18-11 Âm lịch.

Thế tổ ti : Trịnh quý thị huy Diệm Châu hiệu Từ An công chúa. Kị 21-6.

Thế tổ ti : Lại môn chánh thất hiệu Từ Duyên phu nhân. Kị 12-01 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Đô chỉ huy sứ Đô đốc Đồng tri, Thần vũ Tứ vệ quân Tướng quân, gia phong Quyền quận công, Lại quý công tự Thế Duy thụ Uy Dũng phủ quân tôn thần. Kị 21-6 Âm lịch.

Thế tổ ti :Lại môn chính thất Mai quý thị huy....., hiệu Từ Thận phu nhân. Kị 16-2 Âm lịch.

Thế tổ ti : Lại môn á thất hiệu Diệu Như phu nhân.

Thế tổ khảo : Lê triều Vinh Lộc hầu, Lại quý công tỵ Thế Viễn phủ quân tôn thần.

Thế tổ khảo : Lê triều Nhuệ Cường hầu, Lại quý công tỵ Thế Sách phủ quân tôn thần.

Thế tổ khảo : Lê triều Kiêm Võ hầu, Lại Quý công tỵ Thế Quý phủ quân tôn thần.

Thế tổ khảo : Lê triều Đô đốc phủ Hữu đô đốc, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Thanh Hoa ngoại đạo Trấn thủ, Khánh quận công, sắc tứ Phò mã An bình Đại tướng quân, Lại quý công tỵ Thế Khánh, thụy Khiêm Cung phủ quân tôn thần. Kị 13-5 Âm lịch.

Thế tổ tỵ : Lại môn chính thất Trịnh quý thị Ngọc Hiếu công chúa, gia phong Nhị phẩm phu nhân tôn thần. Kị cùng ngày với cụ ông 13-5 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều Gia Bình huyện Tri huyện, thăng Thiên Phúc phủ Tri phủ, Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân, Thái thường tỵ, Quyền tham chính, Nguyễn quý công tỵ Quốc Cương húy Quốc phủ quân tôn thần.

Thế tổ khảo : Lê triều Thái Bảo tỵ khanh Sùng Đạo hầu, Nguyễn quý công tỵ Giác Hiên phủ quân tôn thần.

Thế tổ tỵ : Lại môn chính thất thụy Từ Đức phu nhân.

Thế tổ khảo : Lê triều Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Chi huy sứ tỵ Đô chỉ huy sứ Ngự dụng giám Kim tiên cục Cục trưởng Đô thịnh hầu, Lại quý công tỵ Phú Vinh hiệu Phúc Trường phủ quân. Kị 6-6 Âm lịch.

Thế tổ tỵ : Lại môn chính thất An quý thị hiệu Từ ái phu nhân. Kị 6-6 Âm lịch.

Thế tổ khảo : Lê triều liệt sĩ, Đệ nhị giáp Tiến sĩ, Đô ngự sử, sắc phong Trung liệt Dực bảo Trung hưng trung đẳng thần, Đông Triều phúc thần, Lại quý công tỵ Kim Băng, thụy Hiên Tính phủ quân tôn thần. Kị 16 tháng Giêng.

Thế tổ khảo : Lê triều Đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu Trung liệt Chiêu Thọ bá, Lại quý công tỵ Đức Hoàn phủ quân, sắc phong Trác vĩ dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Kị 6-6 Âm lịch.

# Danh Sách

## các chi họ Lại toàn quốc

An Bài, khu Nguyễn Tảo, ttr. Cồn- Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Khiết (17-B) (gốc chi Đông Cường-chi Đệ Tam)

An Lạc, x Đồng Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên  
Thờ tổ Lại Đình Quần  
An Nhân, t. An Song, x. Yên Nhân - ý Yên - Nam Định  
Thờ tổ Lại Đức Chính (gốc chi Tổng Văn)

An Nông, x. Lộc Bồn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế. 270  
Thờ tổ Lại Phước Ngộ (13 – A2)

An Thống 1, x. Thanh Phong - Thanh Liêm - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Phúc Thành (gốc Họp Long 2)

An Thống 2, x. Thanh Phong - Thanh Liêm - Hà Nam. 356  
Thờ tổ Lại Đình Thông

Anh Dũng (x), t.Phong Cốc, x. Tân Khánh, Vụ Bản - Nam Định  
Thờ tổ Lại Xuân Chi (gốc chi Nhị Trọng)

Ân Phú, x. Nghĩa Hải, Nghĩa Hưng, Nam Định  
Thờ tổ: Lại Đức Trọng (13-A1)

Bằng Khê (1), x. Thành Trung - Thành Liêm - Hà Nam. 363  
Thờ tổ Lại Phúc Bồng (gốc Họp Long 2)

Bằng Khê (2), x. Thành Trung - Thành Liêm - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Phúc An (gốc Hà Châu)

Bằng Khê (3), x. 1, t.Bằng Khê- x. Liêm Trung-Th. Liêm-Hà Nam  
Thờ tổ Lại Thế Châu (gốc Niềm Hạ ?)

Bích Khê, x. Quảng Hợp - Quảng Xương - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Lương Định (Lại Thế Định)



Bình Hải (t), x. Nghĩa Phú - Hải Hưng - Nam Định  
Thờ tổ Lại Chính Tâm (9-B) (gốc xóm 6- Hải Long, tổ Lại Phúc Vinh).

Bím Sơn (1), tx. Bím Sơn - Thanh Hóa. 145  
Thờ tổ Lại Thế Thái (14 – A2)

Bím Sơn (2), p. Ngọc Trạo, tx. Bím Sơn - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Thế Quang

Bình Hải, x. Nghĩa Phú - Nghĩa Hưng - Nam Định. 460  
Thờ tổ Lại Thế Thư (15 – B)

Bình Lãng, x. Nghĩa Thắng - Nghĩa Hưng - Nam Định. 435  
Thờ tổ Lại Ngọc Thanh (16 – B)

Bồi Khê, x. Hà Tây - Hà Trung - Thanh Hoá .  
Thờ tổ Lại Thế Tây.

Cảng Hới (1), x. Quảng Tiến - tx Sầm Sơn - Thanh Hoá .  
Thờ tổ Lại Phúc Chính (gốc Phượng Đình)

Cao Dương, x. Thụy Hưng - Thái Thụy - Thái Bình.  
Thờ Tổ

Cao Đức x. Thôn Lớ - Gia Bình – Bắc Ninh.  
Thờ Tổ

Cao Điền, x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Bảo

Chằm, Thôn Chằm - xã Liêm Thuận - Thanh Liêm - Hà Nam.  
Thờ Tổ Lại Đôn Tín

Chi Trung (Tân Chi), x. Tân Chi - Tiên Sơn - Bắc Ninh.  
Thờ tổ Lại Phúc Văn và con cả Lại Phúc Vinh.

Chỉ Thiện, x. Xuân Thiện - Kim Sơn - Ninh Bình. 287  
Thờ tổ Lại Viết Huỳnh.

Chính trực, x. Mỹ Tho – Phù Mỹ – Bình Định

Thờ tổ Lại Thế Tĩnh

Chương Nghĩa, x. Nghĩa Châu - Nghĩa Hưng - Nam Định.

Thờ tổ Lại Phúc Dũng, Lại Nhân Thọ ( 11 – A2 )

234

Cổ Châu

Cổ Giã, x. Nam Tiến - Nam Trực - Nam Định.

Thờ tổ Lại Thế Tuy (gốc chi Phan Xá 1)

Cổ Ninh (1), x. Võ Ninh - Kiến Xương - Thái Bình. 148,156

Thờ tổ Lại Thế Duy ( 9 – A2 )

Cổ Ninh (2), Chi nhị, x. Võ Ninh – Kiến Xương - Thái Bình. 162

Thờ tổ Lại Thế Hưởng (12 – A2)

Cổ Ninh (3), Chi tam, x. Võ Ninh - Kiến Xương - Thái Bình. 167

Thờ tổ Lại Cận Tác (12 – A2)

Cổ Ninh (4), Chi tứ, 170

Thờ tổ Lại Thế Gia (12 - A2)

Cổ Ninh (5), Chi ngũ 172

Thờ tổ Lại Thế Tương (12 – A2)

Cổ Ninh (6), Chi lục 173

Thờ tổ Lại Thế Hương (12 – A2)

Cổ Ninh (7), Chi thất 175

Thờ tổ Lại Trung Thắng (12 – A2))

Cổ Ninh (8), Chi bát 464

Thờ tổ Lại Phúc Vinh (8 - B)

Cương Nha, x. Khởi Nghĩa - Tiên Lãng - Hải Phòng.

Thờ tổ Lại Thế Luân (gốc chi Hợp Long)

Diêm Điền, x. Diêm Điền - Xuân Thủy - Nam Định. 226

Thờ tổ Lại Phúc Đán tức Lại Viết Ngập (10 – A1)

Diễn Hạnh 1, t. Hạnh Lâm, x. Diễn Hạnh - Diễn Châu - Nghệ An

Thờ tổ Lại Thế Phúc (gốc chi Hợp Long 2)

Diễn Hạnh 2, t. Tổ Mỹ, x. Diễn Hạnh - Diễn Châu - Nghệ An  
Thờ tổ Lại Phúc Thọ

Dưỡng Mông hạ, x. Vĩnh Mỹ - Phú Vang - Thừa Thiên Huế.  
Thờ tổ Lại Phước Lai (13 – A2)

Dưỡng Mông thượng, x. Phú Mỹ - Phú Vang - Thừa Thiên Huế. 226  
Thờ tổ Lại Phước Lai (13 – A2)

Đa Lộc, x. Thiệu Giang - Thiệu Hoá - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Văn Hẫu

Đa Nam, t. Xuân Nội, x. Hà Lan - tx Bim Sơn - Thanh Hóa. 431  
Thờ tổ Lại Chân Tính (12-B) (tổ Lại Huyền Môn)

Đại An, x. 2, t. Đại An - Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định  
Thờ tổ Lại Trọng Thọ (gốc chi Mã Chiên)

Đại Đồng, thị trấn Phú Xuyên- huyện Phú Xuyên - Hà Tây  
Thờ tổ Lại Tiến Tài

Đại Hội, x. 4 - Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Văn Tiến (Hiếu, con thứ 2 tổ Lại Hiển Đạt)

Đại Hữu, x. Mỹ Lộc - Đại Lộc - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Văn Tiệp (Tục) (tổ Lại Mộ Đạo gốc Hợp Long 1)

Đại Phúc, x. Đại Phúc, tx. Bắc Ninh - Bắc Ninh  
Thờ tổ Lại Phúc Kỳ (17-B) (gốc chi Nhị Quý)

Đắc Hà, ttr. Đắc Hà - h. Đắc Hà - t. Kon Tum  
Thờ tổ Lại Hiến Quang

Địch Giáo, x. Giao Liên - Giao Thủy - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Thế Hán (15 – A1) (gốc chi Thượng Hữu)

Đình Chung, x. Hà Yên - Hà Trung - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Văn Nhũ

Đoài Thôn, x. Hà Dương - Hà Trung - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Thế Bình (12-A2). Góc Quang Lăng

Đông Bình, x. Bình Hà - Xuân Thủy - Nam Định. 197  
Thờ tổ Lại Vô Sự (9 – B)

Đông Cao, x. Tây Tiến - Tiền Hải - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Thế Hiệt (18 – A1)

Đông Cơ (358), t. Đông Lang, x.Đông Cơ - Tiền Hải - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Phúc Sinh. Góc Thượng Hữu

Đông Cường, xóm 7, ttr. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Xuyên (13-B) (gốc chi Đệ Tam Lại Chính Tâm)

Đông Hợp, x. Đông Hợp - Đông Hưng - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Hiến Đạt (gốc chi Niệm Hạ)

Đông Hùng, x. Nghĩa Hùng - Nghĩa Hưng - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Nhân Thọ (gốc Chương Nghĩa)

Đông Phong, x. Đông Phong - Tiền Hải - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Hoàn (gốc Phù Vân?)

Đông Thôn, x. Hà Dương - Hà Trung - Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Thế Khoa (gốc chi Nghĩa Đô)

Đông Trà, x. Đông Trà - Tiền Hải - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Thế Hương

Đông Trung (1), x. Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Pháp Trí (gốc chi Mã Chiên)

Đông Trung (2), x. Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Thế Công (gốc chi Cổ Ninh)

Đông Vinh (264) x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Rự.

Đông Vinh (39) x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình

Thờ tổ Lại Văn Rĩnh

Đông Vinh (804) x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình

Thờ tổ Lại Văn Tăng

Đông Vinh (367) t. Tế Quan, x. Đông Vinh- Đông Hưng - Thái Bình

Thờ tổ Lại Văn Hối. Cháu đời 8 quận công Lại Phúc Dũng con cả tổ Lại Nhon, khai canh lập ấp tại Tế Quan.

Đông Xuyên xóm 1, x. Đông Xuyên - Tiền Hải - Thái Bình

Thờ tổ Lại Thế Nghiêm

Đông Hải 1 (214), x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Thế Lạc (4 – A), Lại Chính Thiện (7 – A1b),

Lại Thế Hữu (9A-1b)

Đông Hải 2 (364), x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Phúc Trinh (xóm Sinh Lan, x. Tam Sơn - Đông Quan - Thái Bình).

Đông Hải 3 (708), xóm 7, x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Thế Khả

Đông Lang 1 (700) , Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình

Thờ tổ Lại Thế Hội

Đông Lang 2 (454), (xóm 8) x. Đông Vinh - Đông Hưng - Thái Bình

Thờ tổ Lại Văn Lự

Đông Nhân, x. Thái Thành - Thái Thụy - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Phúc Rị (24 – A2) 335

Đông Cầu, x. Liêm Túc – Thanh Liêm – Hà Nam

Thờ tổ Lại Vũ Cầu (gốc chi Đông Thượng)

Đông Thượng, x. Liêm Túc - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Huyền Khánh (gốc chi chỉ thiện)

Đông Lang (1), x. Vinh Đông - Đông Hưng - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Thế Hội

Đông Tề, Quế Võ - Bắc Giang.  
Thờ tổ Lại Phúc Vinh Con cả cụ Lại Phúc Văn (Chi Trung).

Đường âm, x. Lam Hạ - tx Phủ Lý - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Văn Lễ.

Đùn Ngoại, x. Bình Lăng - Hưng Hà - Thái Bình. 305  
Thờ tổ Thắng Nghĩa quận công Lại Thế Dũng (16- B).

Gia Quát, x. Thượng Thanh - Gia Lâm - Hà Nội.  
Thờ tổ Lại Phúc Dũng, Lại Đăng Nhân (gốc An Thường)

Giao An, x. Giao An - Xuân Thủy - Nam Định. 337  
Thờ tổ Lại Phúc Thắng (18 – A1)

Giao Hương, xóm 10 x. Giao Hương - Giao Thủy - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Thế Đơn (16 – B) (gốc chi Trịnh Cát, Đông Cơ, Tiền Hải)

Gò Nổi, x. Gò Nổi - Điện Bàn - Quảng Nam. 304  
Thờ tổ Lại Văn Màng (13- A2)

Hà Bình, thôn Đông Trung – Hà Bình – Hà Trung – Thanh Hoá 268  
Thờ tổ Lại Pháp Trí (15 – A2)

Hà Châu, x. Lộc An – Phú Lộc - Thừa Thiên Huế.  
Thờ tổ Lại Phước Đạt (13 – A2)

Hạ Dục, xã Chương Mỹ – Hà Tây. 271  
Thờ tổ Lại Thế Dục, (tự: Phúc Quang)

Hải Thôn, thôn Lương Niệm - x. Quảng Lương - Quảng Xương - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Phúc Chính (14 – A1), cháu 6 đời cụ Lại Thế Hiền

Hòa Ngãi (1), x. Thanh Hà - Thanh Liêm - Hà Nam. 274  
Thờ tổ Lại Phúc Ninh (10 – A1), Lại Phúc Tâm (10 – B), Lại Đăng Tiến (15 – B)

Hòa Ngãi (2), x. Thanh Hà - Thanh Liêm - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Đăng Tiến (gốc chi Lại Phúc)

Hòa Ngãi (3), x. Thanh Hà - Thanh Liêm - Hà Nam.

Thờ tổ Lại Đăng Tiên (gốc chi Lại Phúc

Hồng Phong x. Hồng Phong - Chương Mỹ - Hà Tây.

Thờ tổ Lại Duy Giao (gốc chi Ngải Cầu, tổ Lại Thế Dục - Tụ: Phúc Quang)

Hồng Tiên (1), x. Hồng Tiên - Kiến Xương - Thái Bình. 231

Thờ tổ Lại Thế Khu (12 – A1)

Hồng Tiên (2), x. Hồng Tiên - Kiến Xương - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Phúc Nghiêm (13 - A1)

Hợp Long (1), x. Nga Trường - Nga Sơn - Thanh Hóa. 252

Thờ tổ Lại Mộ Đạo (8 – B)

Hợp Long (2), x. Nga Trường - Nga Sơn - Thanh Hóa 327

Thờ tổ Lại Chính Tu (8 – B)

Hưng Đạo, x. Hà Tiên - Hà Trung - Thanh Hoá .

Thờ tổ Lại Thế Cháp.

Hữu Bỏ, x. Kinh Khê –Lâm Thao– Phú Thọ

Thờ tổ Lại Phúc Thịnh (8 – A1)

Hữu Vi, x. Nam Chính - Tiên Hải - Thái Bình.

Thờ tổ Lại Thế Lai (gốc chi Toàn Mĩ, Nghĩa Dũng, Vũ Thư, Thái Bình)

Thờ tổ Lại Văn Phong. 461

Thờ tổ Lại Phúc Tính (2 – A2)

Khê Trữ (1-24), P. Lê Hồng Phong - TX Phủ Lý - Hà Nam

Thờ tổ Lại Linh

Kiên Ngọc, x. Tam Quan – h. Tam Dương – Phú Thọ

Thờ tổ Lại Phúc Tính (3 – A2)

Kiên Trung, xóm Thượng Lễ, x. Hải Hưng – Hải Hậu - Nam Định. 461

Thờ tổ Lại Huyền Ngôn (9 – B)

Lạc Chính, x. Trục Khang- Trục Ninh - Nam Định.

Thờ tổ Lại Hoa Thụy (11-B) (gốc Phan Xá 1, Vũ Phong, Vũ Thư, Thái Bình)

Lạc Nam B, đội 1, x. Thăng Hoà - Hải Hưng - Hải Hậu - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Đình Hải (gốc Hợp Long 1)

Lạc Nam A, đội 2, x. Dũng Tiến - Hải Hưng - Hải Hậu - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Đình Hải (gốc Hợp Long 1)

Lạc Nghiệp, x. Lạc Nghiệp - Xuân Thủy - Nam Định. 331  
Thờ tổ Lại Phúc Thịnh (8 – A1)

Lai Triều, x. Hợp Thành - Thiệu Sơn - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Hợp Phát (gốc chi Nhuộng- xóm Tây sơn - xã Yên Trung - ý Yên - Nam Định).

Lại Đình, thôn Sỏi, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Trung Mưu (gốc chi Hoà Ngãi)

Lại Đình, thôn Sỏi, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Đức Tình (gốc chi Vĩnh Sơn, Tân Sơn, K. Bảng, Hà Nam).

Lại Khắc, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Khắc ớc (úc) (gốc chi Đồng Hải) từ thôn Dương A, Nam Thắng, Nam Trục, Nam Định.

Lại Phú, thôn Sỏi x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Pháp An (16 – A1) (gốc chi Thượng Hữu)

Lại Thiên, t. Doãn, xã Tiên Ngoại- Duy Tiên - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Chính Trục.  
Lại Văn xem Thôn Sỏi (Lại Văn)

Lại Vi, P. Lê Hồng Phong - TX Phủ Lý - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Văn Sử (dòng Lại Linh)

Lại Xá 1, x. Đông Tân- Đông Hưng - Thái Bình.  
Thờ tổ ?

Lại Xá 2, Minh Lãng - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Phúc Thiện

Lại Xá 3, (Thủy Cảng), x. Nội Lãng - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Hiền Quang.



La?i Xuân, thôn Sải, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Xuân Đài (18-A1) (gốc chi Diêm Điền)

Lâm Khê, x. Đông Kinh - Đông Hưng - Thái Bình. 115  
Thờ tổ Lại Cao Phan (12 – A1)

Lăng Thành, ttr. Lăng Thành - Yên Thành - Nghệ An  
Thờ tổ Lại Thế Tài (gốc Quỳnh Ngọc)

Lê Lợi, t. Lê Lợi, x. Châu Sơn, tx Phủ Lý - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Văn Y.

Lễ Khê, từ Ngãi Cầu lên.  
Thờ tổ Lại Phúc Tín

Liêm Sơn, thôn Khoái, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm – Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Thế Khải (18 – A1) (Gốc chi Đồng Gôi)

Linh Lộ, x. Quảng Hợp - Quảng Xương - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Thế Thời (thì)

Lò Chum, T. Cốc Hạ, P. Đông Hương, TP Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Thế Giáp (9-A2). Gốc Quang Lăng

Lục Phương (t), x. Hải Cường - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Công Toại (12 - B) (gốc chi Đệ Tam, Lại Chính Tâm)

Mã Chiên , t. Đồng Tiến, x. Yên Đồng - Yên Mỹ - Ninh Bình. 132  
Thờ tổ Lại Thế Viễn (9 – A2). Gốc Quang Lăng

Mậu Duyệt, x. Cẩm Hưng - Cẩm Giàng - Hải Dương. 128  
Thờ tổ Lại Phú Văn và Lại Phú Đông con thứ tư cụ Lại Phúc Văn chi Chi Trung (Tân Chi)

Mậu Yên, x. Hà Lai - Hà Trung - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Thế Ban (gốc chi Phúc Điền)

Mỹ Lợi, x. Mỹ Lợi - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế.  
Thờ tổ Lại Thế Hiền (8 -A2). Gốc Quang Lăng.

Năng Nhượng, x. Trà Giang - Kiến Xương - Thái Bình.

Thờ tổ , Lại Viết Ân (14-A1) gốc chi Đồng Gôi. Phúc Kiên (24–A2)

Nga Văn, x. Nga Văn - Nga Sơn - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Thế Minh (gốc Phan Xá 2)

Ngải Cầu, x. An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội.  
Thờ tổ Lại Viết Tư (13 – A1)

Ngọc Lâm, x. Nghĩa Hải - Nghĩa Hưng - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Tường (15 – A1) (gốc chi Thượng Hữu)

Ngọc Tĩnh, x. Nghĩa Lợi - Nghĩa Hưng - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thiên Đạo (18-A1) (gốc chi Lạc Nghiệp)

Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội. 307  
Thờ tổ Lại Tiên, Lại Linh, Lại Thế Tiên, Lại Thế Giáp, Lại Phú Quảng, Lại Thục Cẩn

Nghĩa Hoà 1, xóm 2, x. Nghĩa Hoà - Nghĩa Hưng - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Thế Thiệu (gốc xóm 15 Hải Trung)

Nghĩa Hoà 2, xóm 7, x. Nghĩa Hoà - Nghĩa Hưng - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Huyền Môn (gốc xóm 11 Hải Long)

Nghĩa Lợi, x. Nghĩa Lợi - Nghĩa Hưng - Nam Định. 288  
Thờ tổ Lại Phúc Thắng (15 – A1)

Nghĩa Phong, x. Nghĩa Phong - Nghĩa Hưng - Nam Định.  
Thờ tổ Lại Văn Lục.

Nghiêm Thôn, Phường Mao – Phố Mới - Quê Võ - Hà Bắc. 133  
Thờ tổ Lại Chân Tín, Lại Phúc Trai (9 – B)

Nhượng Bạ, x. Cẩm Nhung - Cẩm Xuyên - Nghệ Tĩnh. 297  
Thờ tổ

Ninh Tảo, x. Thanh Bình - Thanh Liêm - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Y Do

Niệm Hạ, x. Võ Ninh - Kiến Xương - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Thế Hựu (9 – A2). Góc Quang Lăng

Ninh táo, Thanh Bình - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Y Do. Góc chi Chằm

Ô Mễ, x. Tân Hòa - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Mẫn (12 – A2)

Phan Xá (1), x. Vũ Phong - Vũ Thư - Thái Bình. 156,185  
Thờ tổ Lại Chân Tín (9 – B)

Phan Xá (2), x. Vũ Phong - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Chân Tín (góc xóm 14 Hà Trung)

Phong Cốc (1),( xóm Bắc), t. Phong Cốc, x.Tân Khánh - Vụ Bản  
Thờ tổ Lại Thế Trục (góc chi Mã Chiên)

Phong Cốc (2), ( xóm Bắc), t.Phong Cốc, x.Tân Khánh - Vụ Bản  
Thờ tổ Lại Phúc Lành

Phù Đạm, x. Phù Vân - Kim Bảng - Hà Nam 258  
Thờ tổ Lại Đức Hoàn (15 – A2)

Phù Vân (át), x. Phù Vân - Kim Bảng - Hà Nam. 370  
Thờ tổ Lại Thế Hựu (9 – A2)

Phù Vân (Bính) 41  
Thờ tổ Lại Thế Giáp (9 – A2)

Phù Vân (Đinh) 185  
Thờ tổ Lại Thế Duy (9 – A2)

Phủ Điền Đoài, p. Nam Sơn - TX Bim Sơn - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Hữu Trị (góc chi Mã Chiên)

Phú Chử, x. Việt Hùng - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Đăng Phú

Phú Lễ, x. Tụ Tân - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Huệ Tính (10 – B) 135

Phú mại, x. Yên Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang.  
Thờ tổ Lại Phúc Văn và Lại Phúc Duy con thứ ba tổ Lại Phúc Văn chi Chi Trung (Tân Chi). 148

Phú Mỡ, x. Đồng Xuân - Phú Yên.  
Thờ tổ Lại Văn Phong. 473

Phú Văn, x. Hải Ninh - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Nhân Thọ (gốc chi Chương Nghĩa)

Phụ Thành, x. Đông Trà - Tiến Hải - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Thế Nghiệp (17 – A2)

Phúc Điền – Quang Lăng 3, x. Hà Vân - Hà Trung - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Thế Hoạt (12 – A2)

Phúc Điền, t. Phúc Điền, x. Hà Vân - Hà Trung - Thanh Hóa.  
Thờ tổ Lại Thế Tích (12- A2). Gốc chi Quang Lăng

Phúc Lai, x. Thanh Phong - Thanh Liêm - Hà Nam.  
Thờ tổ Lại Tiến Khoa (12 – A2). Gốc An Thống 1

Phúc Long, x. Phú Lai - Nam Sách - Hải Dương.  
Thờ tổ Lại Văn Kỳ. 142

Phúc Môn (Lại Xá), x. Song Lăng - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Văn Từ

Phương Nại A, x. Yên Nhân - Yên Môn - Ninh Bình  
Thờ tổ Lại Thế Chư (gốc chi Mã Chiên)

Phương Nại B, x. Trung, t. Phương Nại, x. Yên Mô - Ninh Bình  
Thờ tổ Lại Thế Chi (gốc chi Mã Chiên)

Phượng Đình, x. Hoàng Anh - Hoàng Hoá- Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Phúc Đức (gốc Phan Xá 2)

Quan Chiêm 1, (xóm 2) x. Hà Giang - Hà Trung - Thanh Hoá .

Thờ tổ Lại Thế Khanh (7A-2). Gốc Quang Lăng

Quan Chiêm 2, (413) x. Hà Giang - Hà Trung - Thanh Hoá .

Thờ tổ Lại Thế Lộc (11-A2). Gốc Quan Chiêm 1

Quan Chiêm 3, x. Hà Giang - Hà Trung - Thanh Hoá.

Thờ tổ Lại Thế Vạch.

Quản Triệu, p. Lê Hồng Phong, TX Phủ Lý - Hà Nam

Thờ tổ Lại Quản Triệu (gốc Phù Vân 1)

Quang Bình, x. Quang Bình - Kiến Xương - Thái Bình

Thờ tổ Lại Trực Tính (gốc chi Cổ Ninh)

Quang Lăng, x. Hà Dương - Hà Trung - Thanh Hóa (thôn Đông).

Thờ tổ Thủy tổ Lại Thế Tiên, Triệu Tổ Lại Thế Tương, Lại Thế Đạt, Lại Thế Khanh, Lại Thế Giáp. 362

Quang Tế, x. Quang Tế - Đức Thọ – Hà Tĩnh

Thờ tổ Lại Thế Thời (9 – A2)

Quang Thiện (1)(xóm 6), x. Quang Thiện - Kim Sơn - Ninh Bình.

Thờ tổ Lại Thiện Đức (13 – A1)

Quang Thiện (2) x. Hoà Bình - Vũ Thư - Thái Bình

Thờ tổ Lại Thiện Đức (13 – A1)

Quảng Trạch, Quảng Xương - Thanh Hóa.

Một chi Thờ tổ Lại Văn Công.

Quần Anh (752) , t. Bản Ba-xóm 14- x. Hải Trung- Hải Hậu- Nam Định 247

Từ đường chính Thờ tổ Lại Xuân Không (4-B), Lại Thiện Tính (5-B), Lại Phúc Chính (6-B), Lại Thiện Tâm (7-B), Lại Phúc Vinh (8 - B)

Liên chi Bình Lăng (753), x. Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng - Nam Định

Thờ Tổ Lại Thế Xuân (4-B), Lại Phúc Thiện (7-B), Lại Huyền Môn, Lại Chính Tâm (9-B).

Thuộc các chi Nhị Mạnh, Nhị Trọng, Ngũ Trường, Ngũ Thứ.

Hợp Long 1 (826) x. Nga Trường - Nga Sơn - Thanh Hoá .

Thờ tổ Lại Mộ Đạo (8-B). Gốc chi 14 Hải Trung

Hợp Long 1 (837) x. Nga Trường - Nga Sơn - Thanh Hoá .  
Thờ tổ Lại Chính Tu (8-B). Gốc chi 14 Hải Trung

Chi đệ Ngũ Trường (865) xóm 7. x. Hải Trung-Hải Hậu- Nam Định.  
Thờ tổ Lại Phúc Thiện (7-B). Gốc chi 14 Hải Trung

Chi đệ Ngũ Thứ (869) xóm 9. x. Hải Long- Hải Hậu- Nam Định.  
Thờ tổ Lại Phúc Thiện (7-B). Gốc xóm 14 Hải Trung

Chi Đệ nhất (900) xóm 15- Hải Trung - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Phúc An (9-B). Gốc xóm 14 Hải Trung

Chi nhị Mạnh A, xóm 6 x. Hải Long - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Huyền Môn (9 – B)

Chi nhị Mạnh B, xóm 9, x. Hải Đường - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Nhĩ (15 – B) (gốc Nhị Mạnh A, x 11. Hải Long)

Chi nhị Trọng, xóm 8 x. Hải Sơn - Hải Hậu - Nam Định 402  
Thờ tổ Lại Huyền Môn (9 – B)

Chi nhị quý A, xóm 13, x. Hải Trung - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Huyền Môn (9 – B) 405

Chi nhị quý B, xóm 2, x. Hải Sơn - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Khính (18-B) (gốc xóm 12- Hải Trung) 421

Chi đệ tam, xóm 6, x. Hải Long - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Chính Tâm (9 – B) 437

Chi đệ tứ, xóm 1, x. Hải Long - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Huyền Khai (9 – B) 436

Quần Kênh, x. Xuân Giang - Thọ Xuân - Thanh Hoá.  
Thờ tổ Lại Thế Khanh, Lại Thế Tinh (18-A2) (gốc chi Đồng Hải)

Quần Vinh, x. Nghĩa Thắng - Nghĩa Hưng - Nam Định. 309  
Thờ tổ Lại Đình Đức (17 – A1), Lại Đình Phan (16 – A1), Lại Đình Tư (15– A1)

Quốc Tuấn, x. Quốc Tuấn - Kiến Xương - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Đức Hoàn (gốc Phù Vân)

Quỹ Nhất (1), x.8 xã Nghĩa Hoà - Nghĩa Hưng - Nam Định  
Thờ tổ Lại Đức Trọng (13-A1)

Quỹ Nhất (2), x.8 xã Nghĩa Hoà - Nghĩa Hưng - Nam Định  
Thờ tổ Lại Văn Thuật (13-A1)

Quyền Sơn, x. Thi Sơn - Kim Bảng - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Khắc Châu (gốc Phù Vân 2?)

Quyền Ngọc, x. Quyền Giang- Diễn Hồng - Diễn Châu - Nghệ An  
Thờ tổ Lại Thế Hữu

Quyết Tiến, x. Quyết Tiến - Kiến Xương - Thái Bình 314  
Thờ tổ Lại Pháp Nghiêm (14 – A1)

Sĩ Lâm Nam (1), x. Nghĩa Hưng - Nghĩa Hưng - Nam Định. 342  
Thờ tổ Lại Đình Tuyết, Lại Đình Chế, Lại Đình Chung (18 – A1)

Sĩ Lâm Nam (2), x. Nghĩa Hưng - Nghĩa Hưng - Nam Định.  
Thờ tổ tổ Lại Đình Dư (14 – A1) (gốc chi Lạc Nghiệp)

Sọng Hạ, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Phúc An (gốc chi Đệ Nhất, xóm 12 - Hải Trung)

Sọng Thượng, x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Phúc Thiện (gốc Tường An)

Suối Hăng (Lại Xá), x. Nội Lãng - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Hiền Quang

Tam Hưng, x. Tam Hưng - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.  
Thờ tổ Lại Chỉ Tín (chân Tín) (gốc Phan xá 1)

Tam Kỳ, h. Tam Kỳ - Quảng Ngãi.  
Thờ tổ Lại Văn Bình

Tam Quan, t.Nghĩa Khê, x. Tam Quang - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Thế Nghị (gốc chi Nhị Trọng)

Tân Chi, t. Chi Trung x. Tân Chi - Tiên Sơn - Bắc Ninh  
Thờ tổ Lại Phúc Vãn và con thứ hai Lại Tiến Vinh

Tân Dân, x. Đông Tân - Đông Sơn - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Đăng Tiến (có sắc phong)

Tân Hoà 1, x. Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Hiên Danh (tức Thịnh)(gốc Niềm Hạ)

Tân Hương 1, x. Thanh Phong - Thanh Liêm - Hà Nam 253  
Thờ tổ Lại Nguyễn Thông (Tổ làm con nuôi họ Nguyễn)  
(gốc An Thống 1)

Tân Hương 2, x. Phúc Thành - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Phúc Khánh

Tân Hương 3, x. Phúc Thành - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Trọng Cần

Tân Nghĩa, x. Thái Thành - Thái Thụy - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Tông (19 – A1)

Tân Thành, x. Phở Cương - Đức Quảng - Quảng Ngãi  
Thờ tổ Lại Văn Oanh

Tây Cát (xóm), x. Hải Đông - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Hiều (16-B) (gốc chi Đông Cường- Yên Định)

Tây Sơn, x. Yên Trung - ý Yên - Nam Định  
Thờ tổ Lại Viết Tổng (gốc chi Chăm)

Tế Quan (Đông Vinh 4)

Thanh Liêm, x. Đông Thanh - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Bách (gốc Niềm Hạ?)

Thanh Liêm, t. Thanh Liêm, x. Thanh Bình, Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Phú Vinh (gốc chi Mã Chiên)

Thanh Nghĩa, x. Đồn xá - Bình Lục - Hà Nam



Thờ tổ Lại Đăng Châu (gốc An Thống 1)

Thạch Bình, x. Tân Phú - Tân Châu - Tây Ninh

Thờ tổ Lại Ngọc Uẩn (17 – B)

Thái Thành, t. Tuấn Nghĩa, x. Thái Thụy - Thái Bình 344

Thờ tổ Lại Thế Rì- Lại Thế Tòng (gốc chi Quyết Tiến)

Thanh Ngãi, x. Đồn Xá - Bình Lục - Hà Nam 343

Thờ tổ Lại Tiến Châu (15 – B)

Thanh Vân, x. Bình Minh - Tĩnh Gia - Thanh Hoá

Thờ tổ Lại Hữu Chúc (gốc chi Diễn Hạnh)

Thịnh Châu (Hưng Đạo), xóm Hưng Đạo, t. Thịnh Châu, khu 3, x. Châu Sơn - tx. Phủ Lý - Hà Nam.

Thờ tổ Lại Phúc Thọ.

Thọ Hải, x. Thọ Hải - Thọ Xuân - Thanh Hoá.

Thờ tổ Lại Thế Hiển.

Thọ Lập, x. Thọ Lập - Thọ Xuân - Thanh Hoá

Thờ tổ Lại Thế Hiện (gốc Thọ Hải).

Thôn Chăm, x. Liêm Thuận - Thanh Liêm - Hà Nam 427

Thờ tổ Lại Tiến Tuy (13 – A2)

Thôn Đào 1, x. Liêm Tiết - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Từ Châu (15 – B), Lại Đình Trung (16 – B)

Thôn Đào 2, x. Liêm Tiết - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Thế Châu (gốc Hợp Long 1)

Thôn Đào 3 Lại Đình, x. Liêm Tiết - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Đức Vượng (13-B) (gốc xóm 7- Hải Long)

Thôn Đoài - Quang Lãng 2, x. Hà Dương - Hà Trung - Thanh Hóa 359

Thờ tổ Lại Trung Bình (12 – A2)

Thôn Đông - Quang Lãng, x. Hà Dương - Hà Trung - Thanh Hóa 42

Thờ tổ Lại Thế Tiên (thủy tổ), Lại Thế Khanh (7 – A2)

Thôn Gừa, x. Liêm Thuận - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Đình Chấn (gốc An Thống 1)

Thôn Sỏi, (Lại Văn) x. Liêm Sơn - Thanh Liêm - Hà Nam

Thờ tổ Lại Văn Đậu (gốc chi Tống Văn)

Thúy Càng, (Lại Xá 3) x. Nội Lãng - Thư Trì - Thái Bình 365,368

Thờ tổ Lại Hiền Quang (16 – A2)

Thư Điền (1), x. Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định 135,144

Thờ tổ Lại Thiên Điền (15 – A1), Lại Đình Tư (15 – A1)

(gốc chi Lạc Nghiệp) 146

Thư Điền (2), x. Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định

Thờ tổ Lại Đình Tư (15 – A1) (gốc chi Lạc Nghiệp)

Thượng Hữu (1), xóm 2, x. Nam Vân - Nam Trực - Nam Định 135

Thờ tổ Lại Tiên, Lại Linh, Lại Thế Tiên, Lại Thế Gia, Lại Thế Lạc, Lại Thế Vinh, Lại Thế Mĩ, Lại Thế Thành. Gốc Quang Lãng

Thượng Hữu (2) xóm 4, x. Nam Vân, P. Cửa Nam, Tp Nam Định

Thờ tổ Lại Thế Đản tức Lại Phúc Thông (A-I0). Gốc Thượng Hữu 1

Thượng Hữu (3) Xóm 8 (Đòng Gôi) X. Nam Vân, Tp Nam Định.

Thờ tổ Lại Thế Đồng (14 – A1). Gốc Thượng Hữu 1

Thượng Hữu (4) xóm 2, x. Nam Vân, P. Cửa Nam, Tp. Nam Định

Thờ tổ Lại Thế Hiền ( 9 – A2). Gốc Quang Lãng

Thượng Hữu (5) xóm 4 , x. Nam Vân, P. Cửa Nam, Tp Nam Định.

Thờ tổ Lại Thế Hiền (9 – A2). Gốc Quang Lãng

Thượng Thôn, x. Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hoá

Thờ tổ Lại Thế Nguyên

Thịnh Thôn - x. Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hoá.

Thờ tổ Lại Thế Đoan

Tiên Mai, x. Trương Sơn - Mỹ Đức - Hà Đông 292,294

Thờ tổ Lại Thế Đạt (14 – B)

Tiến Dũng, thôn ỏ Cá - x. Tiến Dũng - Yên Dũng - Bắc Giang 120  
Thờ cụ

Toản Mỹ, x. Dũng Nghĩa - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Lai.

Tổng Văn, xóm 8, x. Vũ Chính - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Công Bình (9 – B)

Trà Giang, x. Trà Giang - Kiến Xương - Thái Bình 275  
Thờ tổ Lại Thế Kiên (từ Thượng Hữu tới)

Trà My, huyện Trà My - Quảng Nam  
Thờ tổ Lại Văn Màng, Lại Văn Lục, Lại Văn Lưu (Lục) (con thứ 4) (gốc Gò Nổi).

Tràng Châu (1-7), xóm Trần Phú, x. Châu Sơn - tx Phủ Lý - Hà Nam  
Thờ tổ

Tràng Châu 8, xóm Ngô Gia, t. Tràng Châu, x. Châu Giang - tx Phủ Lý - Hà Nam  
Thờ tổ Lại Văn Từ.

Trì Chính, x. Trì Chính - Kim Sơn - Ninh Bình  
Thờ tổ Lại Thế Sùng (13 – A1), Lại Thế Bảo (13 – A1)

Triệu Xá (1-17), t. Triệu Xá, x. Liêm Tuyên - Thanh Liêm - Hà Nam  
Thờ tổ

Trịnh Cát, x. Đông Cơ - Tiền Hải - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Phúc Vinh (gốc xóm 14- Hải Trung)

Trọng Quan, x. Trọng Quan - Đông Hưng - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Rị (Dực) 387  
Trung Bính, thôn Bảo Linh- TX Đông Hới - Quảng Bình  
Thờ tổ Lại Tấn Đá (gốc Chi Mã Chiên).

Tự Tân, x. Tự Tân - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Huệ Tính (gốc chi Đệ Tứ - Hải Long)

Tường An 1 , x. Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Phúc Hưng (gốc Niệm Hạ?)

Tường An 2 ,x. Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại

Tường An 3 , x. Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình.  
Thờ tổ Lại Hiên Danh (tức Thịnh)(gốc Niệm Hạ)

Tự Tân, x. Tự Tân - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Huệ Tĩnh (10 – B)

Tương Đông, x. - Nam Trực - Nam Định 250  
Thờ tổ Lại Chân Tín (9 –B)

Tường An (A), x. Tân Hoà - Vũ Thư - Thái Bình 283  
Thờ tổ Lại Phúc Hưng (13 – A2)

Tường An (B) 473  
Thờ tổ Lại Phúc Thịnh (8– A1)

Vạn Lại, x. Vạn Lại - Thọ Xuân - Thanh Hóa  
Thờ tổ Lại Thế Đồng

Văn Trinh, x. Văn Trinh - Quảng Xương - Thanh Hóa  
Thờ tổ Lại Thế Thời (9 – A1). Gốc Quang Lăng

Văn Lý (xóm B), x.Hải Lý - Hải Hậu - Nam Định  
Thờ tổ Lại Thế Bầy (Hiếu) (16-B) (gốc chi Đệ Tam Lại Chính Tâm)

Vân Cẩm, Hà Vân - Hà Trung - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Thế Hoà (14-A2). Gốc Quang Lăng

Vân Đồn (1), x. Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định 265  
Thờ tổ Lại Đắc Ton

Vân Đồn (2), thôn Vân Đồn x. Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định  
Thờ tổ Lại Văn Đăng (18-A1) (gốc chi Thượng Hữu tổ Lại Phúc Thông)

Vân Đồn 3 (Lại Trọng), x. Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định  
Thờ tổ Lại Trọng Trình (gốc chi Mã Chiên)

Vân Đồn 4 (Lại Hữu), x. Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định  
Thờ tổ Lại Hữu Mít (gốc chi Đông Bình)

Vân Nội, xóm Tây, x. Vân Nội - Đông Anh - Hà Nội  
Thờ tổ Lại Đức Tín (gốc chi Nghĩa Đô)

Vĩnh Sơn, x. Tân Sơn - Kim Bảng - Hà Nam 477  
Thờ tổ Lại Đức Trà (13-A2). Gốc Quang Lăng

Vĩnh Yên, tx. Vĩnh Yên - Vĩnh Phú  
Thờ tổ

Việt Hồng, t. Phong Cốc, x. Tâm Khánh - Vụ Bản - Nam Định  
Thờ tổ Lại Phúc Hậu (Lộc) (gốc chi Mã Chiên)

Việt Hùng, x. Việt Hùng - Vũ Thư - Thái Bình 280  
Thờ tổ Lại Phúc Hưng, Lại Phúc Thiện ? (gốc Niềm Hạ?)

Vũ Quý, x. Vũ Quý - Vũ Thư - Thái Bình  
Thờ tổ Lại Thế Thái

Vũng Tàu:

Xuân Bình, x. Xuân Bình - Đông Xuân - Phú Khánh  
Thờ tổ Lại Văn Phú

Xuân Hưng, Thọ Xuân - Thanh Hoá  
Thờ tổ Lại Thế Thư (14-B) (gốc chi Bình Hải, Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng, Nam Định)

Yên Lộc (xóm 3), thôn Yên Bình, x. Yên Lộc - Kim Sơn - Ninh Bình  
Thờ tổ Lại Hữu Châu (17 – A1) 260

Yên Hoà (t), x. Nghĩa Bình - Tân Kỳ - Nghệ An  
Thờ tổ Lại Đình Quân

Yên Ninh, x. Yên Ninh - Yên Khánh - Ninh Bình  
Thờ tổ Lại Thế Hiền (9 – A2)

Yên Phụ (t). quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội  
Thờ tổ Lại Linh

Yên Trung, Thôn Nhuộng, x. Yên Trung - ý Yên - Nam Định  
Thờ tổ Lại Viết Tổng (16 – A2)

Yên Viên, 634- Hà Huy Tập - ttr.Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội  
Thờ tổ Lại Văn Triệu (quê thôn Xái - Liêm Trục - Thanh Liêm - Hà Nam, gốc chi Tống Văn)

Liên Chi Sài Gòn – 100 Phạm Phú Thứ Q. Tân Bình TP Hồ Chí Minh Lhệ Lại Văn Hải ĐT:  
088636209. 301

Thờ tổ Lại Văn Mãng (13 – A2). Vọng thờ Viễn tổ Lại Tiên.

Liên Chi Tây Nguyên - Tổ 2 Khối 10 P.Tân An Tp Buôn Ma Thuột  
- Liên hệ Lại Văn Yến ĐT: 0500876275.

Thờ Viễn tổ Lại Tiên, Lại Linh và chư vị tiên tổ các chi gốc. 179,190